

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|----------------|
| — Sơn ta: Mỹ thuật thuần túy hay mỹ-thuật trang sức | TÔ NGỌC VÂN |
| — Hiến pháp Trung-hoa: Cuộc cách-mệnh Tân-hợi (1911) | PHAN ANH |
| — Chính sách nghiệp đoàn | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Lỗ Tấn (1881 - 1936) | ĐẶNG THÁI MAI |
| — Danh văn ngoại quốc: Hai quan-niệm về quốc gia | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Xã hội Việt-nam từ thế-kỷ thứ XVII | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Âm nhạc lời hát á-đào: Nghệ thuật hát của đào-nương | NG. XUÂN KHOÁT |
| — Kiểu có mặt sát Hồ tôn Hiến không? | HOÀI THANH |
| ✓ Một chương-trình dạy trong các lớp học bình dân | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. D. |

S O N

T A :

MỸ THUẬT THUẦN THUẬT TR

N TÚY HAY MỸ ANG SỨC? ---

TÔ NGỌC VÂN

Trong báo Action ngày 21 juin vừa rồi nhân bình phẩm cuộc Triển lãm của FARTA tại hội-quán Khai-tri, ông J. F. A. nói : « HỘI HOA thuộc về Mỹ-thuật thuần túy, còn những tấm tranh Sơn Ta chỉ có thể và cũng chỉ nên có một giá-trị hoàn-toàn trang sức thôi »

Trước khi bàn đến ý sai lầm này, ta hãy theo quan niệm thường phân biệt Mỹ thuật thuần túy (Art pur) với Mỹ-thuật trang sức (Art décoratif) mà ông J. F. A. đã gọi đến giá trị của nó. Bức hội-họa hay pho tượng là tác phẩm của Mỹ-thuật thuần túy, còn chiếc ghế bành, tấm màn thêu, cái khay sơn chẳng hạn đều xếp vào sản-phẩm của Mỹ-thuật trang sức.

Đặc tính Mỹ-thuật này là khéo dung hòa vào vật dụng hàng ngày cả hai quan niệm thường khó đi đôi với nhau : quan niệm mỹ-thuật và quan niệm thực-tế. Nhà mỹ-thuật trang sức chế kiểu một chiếc ghế bành không phải chỉ cốt sinh cái ghế đẹp mắt mà thôi, cái ghế còn phải tiện lợi, người ngồi vào phải có cảm giác dễ chịu, thư-thải. Không những thế, nó lại còn phải sáng tác tùy cảnh, Thí-dụ : chiếc ghế hình giáng nay vào phòng khách nay ăn, đẹp, vào phòng khác có thể hỏng về phương-diện hình sắc vì đã không hòa hợp với toàn thể đồ đạc bày cùng một chỗ. Suy đó, một tác-phẩm Mỹ-thuật trang sức muốn toàn mỹ phải ăn nhập với hoàn cảnh để tạo lên một không khí mỹ-thuật sống động.

Đến như bức họa, nguyên ủy của nó là kết-quả sự sáng tác biệt lập do tâm trí nghệ sĩ mà nên. Nó sinh ra tùy người ta vẫn treo nó trên tường, không phải để lấp một miếng tường, để mang, để dựng cái gì, hay để ăn nhập với cái gì. Lồng khung treo lên, nó như một khuôn cửa mở vào một cảnh riêng, một không khí riêng với một tâm trạng riêng. Nói ngay đến khoái cảm của người xem tranh cũng không giống cái thú của người ngắm một tác-phẩm mỹ-thuật trang sức. Tác phẩm Mỹ-thuật thuần túy cảm xúc ta mạnh mẽ sâu đến rung chuyển tâm hồn làm cho trái tim thần và như cả sắc thịt nữa. Còn chiếc ghế bành hay một tấm thêu, dầu khéo léo đến đâu cũng chỉ mang lại cho ta cái thích ưa nhìn có chừng độ phớt phớt bên ngoài mà cũng dễ chán.

Đứng giữa, Mỹ-thuật thuần túy và Mỹ-thuật trang sức có những bức họa trang sức (peinture décoratives), về cách bố cục hình sắc thì tựa như tranh, song lấy dân dị đơn sơ làm cốt mục đích là để tô điểm, làm tôn một cảnh nào đó về loại này, ở Âu-châu có những tranh trang sức nhà thờ, đền đài, dinh-thự. Còn ở đây mười năm nay, có một số tranh Sơn Ta mà nghệ thuật thiên hẳn về phương-diện trang sức thưở chúng ta vẫn gặp ở các phòng triển lãm.

Nói đến những tác phẩm này mà dùng tiền « giá trị trang sức » là để chỉ cái nét làm nên hay tôn vẻ đẹp một cảnh nào, chung quy cái đẹp thêm vào ấy vẫn là cái đẹp của Mỹ-thuật trang sức nghĩa là hơi lợt, nóng nời.

Bởi những tính cách tiện lợi, tùy cảnh, trang sức, thứ nhất, bởi sức gọi cảm tâm thường của nó, Mỹ thuật trang sức so với Mỹ-thuật thuần túy hầu bị coi như ở hạ cấp. Và cũng vì thế một bức hội họa soàng như tấm cửa quét sơn, trước một mỹ công trang sức tinh xảo, ngạo nhiên ta đây thuần túy.

...

Giờ chúng ta quay lại ông J. F. A. với vấn đề Mỹ-thuật Sơn Ta. Nhìn sản phẩm Sơn Ta mười năm về trước, ta có thể nhận với ông F. A. rằng cốt cách cổ của Sơn Ta là thuộc Mỹ-thuật trang sức. Dùng sơn son-sơn thếp, thếp vàng thếp bạc từ cột đình, hoành phi, ngai thờ cho đến tấm bình phong, cái khay, cái chấp dôi guốc, Sơn Ta đã không ngoài mục đích trang sức để làm hoặc tôn nghiêm một không khí, hoặc lộng lẫy một đồ vật. Cách dùng Sơn Ta cũng như ở mọi xứ Á-Đông, sơn sài dân dị, đem vàng bạc, sơn son, sơn thien nguyên chất mà thếp, sơn lên.

Từ ngày có trường Mỹ-thuật Đông-dương và nghệ sĩ Việt-nam, nghệ thuật Sơn Ta đã biến hình, thoát ra ngoài phạm vi cổ sơ của nó. Những nguyên liệu không chỉ dùng nguyên chất nữa. Người ta chôn chôn nó lên nhiều một lần hay năm bảy lần, rồi mài đi mài lại; do đó làm lộ ra những màu sắc mới mẻ, quý giá chưa từng, hợp nên những điệu nhạc màu không thường và gây ở ta những mỹ-cảm thẩm thía.

Từ đây, với một tinh cách đặc biệt, một nét mặt tráng lệ, Sơn Ta đã phân tách hẳn sơn Tàu và sơn Nhật mà nó cũng một gốc. Và cũng từ đây, ở trong tay một vài nghệ-sĩ sơn Ta đại tài nghệ thuật Sơn Ta, vừa ra khỏi nếp cổ đã rũ ngay khuynh hướng trang sức của nó, để chèo lên con đường hội họa, con đường Mỹ-thuật thuần túy. Nhưng ông J. F. A. vội kéo nó xuống mà khuyên rằng : Hội họa mới thuộc Mỹ-thuật thuần túy; Còn tranh Sơn Ta chỉ có thể và cũng chỉ nên ở giới Mỹ-thuật trang sức thôi !

Tại sao thế? Cuối bài trong báo Action, ông đã trả lời : Sơn Ta nên giữ nề nếp cổ của Á-Đông. Nhưng đó là mới trả lời về sự « chỉ nên », nhưng còn tại sao lại « chỉ có thể » ? Trong mỹ-thuật giới, nếu người ta quen tin « chỉ có thể » thì phạm vi mỹ-thuật phải thu hẹp lại biết bao ! Sự cao cả của mỹ thuật là có thể biến đổi mãi mãi, chứ không chỉ có thể thế này hay thế khác, người ta đã thấy trong Hội họa Pháp thế kỷ thứ 19 và 20, nhiều môn phái tương phản hẳn nhau, mà ngàn ấy môn cùng tuyệt mỹ cả.

Nếu ông J. F. A. bảo Sơn Ta vì màu sắc không đủ để tả chân như màu sắc của Hội-họa, thí dụ không có màu xanh lá cây để tả cây cối, màu da thịt để tả sắc người, những màu thuận-

tiện để chép hiện cảnh của ánh sáng... nếu ông nói thế, thì cổ nhiên là ông có lý. Nhưng cái lý của người đứng trên miếng đất nghệ-thuật tả chân. Phần một nỗi, mấy nhà mỹ-thuật Sơn Ta, vì chột mang cổ tật của người nghệ-sĩ phương Đông lại hoạt động trên miếng đất trái lại. Bào chữa họ, họ chỉ việc đưa ông xem những bức tranh mà không ai chối cãi là không phải Mỹ-thuật thuần túy, những bức tranh thủy mặc Tàu và Nhật, trong đó không tả chân một cái gì, có tô màu cũng chỉ phơn-phớt chứ không dựa theo thực hiện, có vẽ hình nhưng đó là hình phỏng bút chỉ lướt qua thực hiện toàn thể một màu đen nước Tàu để diễn tả các sắc.

Đến đây, tôi thấy cả sự bàn cãi đều thừa. Tại sao ta không mở toang cửa Mỹ-thuật giới để nghênh đón tất cả những khuynh hướng mới lạ. Tại sao ta lại đem những thành kiến sẵn sàng mà xét một tác phẩm mỹ-thuật, sao ta lại không dựa vào kết quả mỹ thuật của một tác phẩm mỹ-thuật mà định giá nó ? Nếu tấm tranh Sơn Ta của Nguyễn gia Thi làm rung động tâm hồn ta mà lại kết bằng một bức họa tuyệt tác, thì chính đây là Mỹ-thuật thuần túy rồi (1). Việc gì vội đặt nó vào Mỹ-thuật trang sức, vì chột nhớ ra nó để dùng một thứ nguyên liệu mà thợ sơn đem sơn cột đình hay cái khay chén ?

Thế chất sây nên một tác phẩm mỹ-thuật, chính nó không có giá trị gì. Từ cục đất hay khúc gỗ, từ ống sơn Tây, hay thùng sơn Ta, thế chất trở nên một mỹ-công linh động và mang một tinh thần đặc-biệt ai cũng biết đó là nhờ tài năng của nghệ sĩ chứ không vì bản năng của thế chất.

Nếu trước kia, nghệ-sĩ Sơn Ta không dùng Sơn Ta để diễn bày cảm giác hay tâm trạng mình như một họa sĩ, đó không phải là một cơ chính đáng để ngăn cản nghệ sĩ Sơn Ta ngày

(Xem tiếp trang sau)

(1) : một số rất nhiều tranh trong sơn nhà thờ và cung điện ở nước Ý về hồi trước và trong Mỹ thuật Phục Hưng, Lich sử, vì là trên, đã coi như những tác phẩm Mỹ thuật thuần túy kiệt tác.

ngày đem khuyển hướng Hội họa vào nghệ thuật Sơn Ta.

Những bức tranh Sơn Ta có khuyển hướng đó là một sáng tác mỹ-thuật hoàn-toàn Việt-nam. Trong Mỹ-thuật hiện đại của chúng ta, nó đã vào ngôi thứ cao nhất. Đừng ai lấy nhẽ tồn cổ mà lòi nó xốnng.

Tồn cổ ư? Thì chính ngay cái cổ ấy, trước kia cũng phải là kim đã chùi!

TÔ NGỌC VÂN

Thông-chế Pétain đã nói:

«Hỡi các bạn thân quý, hãy' đuổi' sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ-báng chua-chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc Trưởng yêu mến ci'ung' ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố.»

ĐÃ CÓ BẢN:

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

(Văn-chương và thân-thể Trần-tế-Xương)

Một kiệt tác của TRẦN-THANH-MẠI

Kỷ tái bản này tác giả đã dày công sửa chữa
Sách ngót 200 trang giá 1\$90

ĐÀN BÀ VÀ NHÀ VĂN

Khảo cứu của KÈU-THANH-QUẾ

Gồm có những mục: Địa vị người đàn bà trong văn chương Đông Tây. Những bà mẹ, bà chị, bà vợ, những cô nhân tình; Nhà văn có nên lấy vợ không? Ái tình có cần ích cho văn chương không? v...v...

Sách 100 trang giá 1\$20

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT 29, Lamblot HANOI-

CÁC BẠN ĐÓN COI:

KHÔNG NẮNG THÌ MƯ'A

KỊCH BA HỒI
của ĐOÀN PHÚ TỬ

Nay mai sẽ đăng trong THANH NGHỊ

Hiển p

III

Cuộc cách-mệnh Tân-Hội: vận động đến lúc thành công

PHÁT-xuất ở lòng công phần đối với chính phủ Thanh Triều của những người đã hấp thụ được tư tưởng Âu Mỹ và lưu tâm đến tiền đồ tổ quốc, cuộc cách mệnh Tân Hội chỉ là công phu của một nhóm thiểu số ở dân gian gồm có những phần tử trí thức và những thương gia ở thị thành hay hải ngoại.

Những phần tử ấy vận động cuộc cách mệnh từ cuối thế kỷ 19 và đã nhiều phen thất bại, mãi đến năm Tân Hợi mới đã đảo được Thanh triều.

Lúc đầu, hành động rời rạc, và có khi tương phản. Đại khái có thể chia làm hai phái, một phái chủ trì một cuộc cải cách ôn hòa, trong phạm vi quân chủ; một phái chủ trương một sự cải tạo triệt để, bỏ chính thể quân chủ, lập chính thể dân quốc.

Phái thứ nhất, đứng đầu có những nhà danh nho cựu học như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu. Họ viết báo, viết sách truyền bá tư tưởng Âu Mỹ, thúc dục triều đình cải cách chính thể cho hợp với thời cục. Cuối thế kỷ 19, thế lực của họ rất mạnh; các giới trí thức nhiệt liệt hoan nghênh, dĩ chí sĩ phu các lân bang cũng chịu ảnh hưởng của họ: như ở nước ta về hồi ấy, đã là nhà nho mà có lưu tâm đến thời cục thì ai là không biết bộ Âm Bang của Lương Khải Siêu?

Được quốc dân hoan nghênh, lẽ cố nhiên, chính phủ phải để ý. Vì thế mà Khang, Lương cũng đồng chí được vua Quang Tự nhà Thanh phò tách cho công cuộc cải cách chính thể (1898)

Bọn Khang, Lương lên cầm quyền, lập tức bỏ lối khoa cử cũ, lập các trường tân học, khuyến khích thanh niên du học ngoại quốc, bỏ quân đội theo lối Âu Mỹ, và cải tạo hầu hết các cơ quan chính trị. Nhưng họ gặp một trở lực lớn: Thái hậu Từ Hi, một người đàn bà chuyên quyền đứng đầu bọn bảo thủ.

háp Trung-hoa

PHAN ANH

Muốn đạt được mục đích cải cách của mình, bọn Khang, Lương lập mưu định bắt giam Thái Hậu. Nhưng Viên Thế Khải thông tin cho Thái Hậu; việc vỡ lở, Thái Hậu bắt giam vua Quang Tự, còn bọn Khang Lương phải trốn ra ngoại quốc.

Mất chính quyền, họ lại càng tự do hành động, và khuyển hướng của họ càng ngày càng thiên về cách mệnh. Những tờ báo có tiếng như Thanh Nghị Báo, Tân Dân Báo, Quốc Phong Báo lần lượt ra đời, truyền bá tư tưởng cải cách của Lương và đồng chí.

Triều đình càng ngày càng tỉnh ngộ: một đạo dụ năm 1906 đặt một ban dự thảo hiến pháp, và một đạo dụ năm 1908 phác quy mô hiến pháp Trung quốc. Rồi đến ngày mồng 3 tháng 11 năm 1911, Thanh Triều mới ban bố một đạo hiến pháp chính thức có 19 điều (Thập cửu tin điều).

Nhưng tiến bộ quá chậm. Thời cục năm 1911 không còn như thời 1898 nữa. Năm Mậu Tuất (1898) sự cải cách của Khang Lương còn có thể hợp thời, nhưng Thanh triều không theo, nên trong vòng hơn mười năm tình thế đã xoay, nhân tâm đã đổi. Cải cách không đủ, phải đi tới cách mệnh.

Ma đến lúc bấy giờ thì những phần tử ôn hòa như Lương Khải Siêu cũng phải nhận rằng phải đã đảo Thanh triều.

Ý kiến ấy, mục đích ấy, một phái chính trị gia khác, có đã lâu và hết sức vận động để cho đạt tới. Phái «cách mệnh» này có thể lấy Tôn Dật Tiên làm đại biểu.

Từ lúc còn học ở trường Y học Hương Cảng Tôn Dật Tiên đã cùng mấy bạn đồng học như Trịnh Sĩ Lương, Trần Thiếu Bạch, Vưu Thiếu Phàm có ý đã đảo Thanh triều, lập Trung Hoa Dân quốc.

Nhưng đương thời (1886) ý tưởng ấy chưa mấy người tào thành. Thậm chí ở Hương Cảng là đất tự do mà người ta cũng lạng các ông một tên đặc-biệt là «bốn lão giặc» (Tứ-khẩu).

Nhưng mặc dầu, Tôn vẫn cố sức vận động. Năm giáp ngọ (1894) sang Hawaï là nơi Tôn chú ngụ lúc thiếu-niên, lập đảng «Hưng Trung

hội». Rồi lại về nước tuyên-truyền chủ nghĩa của mình khắp các miền Lương-quảng và Phúc kiến — Nhân năm Canh-tý (1900), quân ngoại-quốc chiếm Bắc-kinh, Thanh-triều phải chạy trốn: cả nước công phần. Cơ hội ấy là một dịp rất tốt cho Tôn. Những phần tử còn dụt dè cũng phải công nhận rằng Thanh-triều quá suy đồi rồi, phải triệt để cách mệnh lập một chính thể khác mới cứu vãn được tình thế. Vì thế cho nên đảng «Hưng-trung» lúc mới lập chỉ có độ vài mươi người, nay đột nhiên bành trướng. Trong tập tự truyện, Tôn viết rằng: «Từ năm canh tý, cái hồn như ý của Thanh-triều càng rõ, ngoại hoạn càng tỏ... sĩ phu trong nước, trước kia cho cách-mệnh là một sự đại nghịch, đáng khinh đáng trù, đến nay cũng phải nghĩ lại».

Đồng thời Tôn mấy lần xuất dương từ Nhật sang Mỹ, rồi sang Anh sang Pháp khảo sát tình thế nước ngoài, cổ động Hoa kiều và lưu học sinh, càng ngày càng nhiều đồng chí. Năm 1904-1905 ở Mỹ vòng qua Âu, Tân Gia Ba, về Nhật lập Đồng Minh Hội với Hoàng Hưng. Tong Giáo Nhân và Chương Bình Lân. Lưu học sinh ở Nhật rất nhiều và đều hưởng ứng công cuộc của Tôn. Tôn thuật rằng trong tất cả 18 tỉnh Trung quốc, trừ tỉnh Cam Túc là chưa có lưu học sinh, còn 17 tỉnh kia đều có đại biểu lưu học sinh dự nhập Đồng Minh Hội.

Từ đó Đồng Minh Hội (do mấy hội hợp lại như Hưng Trung của Tôn Văn, Quang Phục hội của Chương Bình Lân v.. v..) sẽ là cơ sở của phong trào cách mệnh và là cột trụ của Quốc dân đảng về sau này.

Công cuộc hoạt động của Đồng Minh Hội lúc bấy giờ có thể chia ra làm ba thứ:

1) Cung cấp tiền tài và gây thiệp cảm ngóni giao;

2) Tuyên truyền chủ nghĩa dân chủ;

3) Tổ chức binh lực để đã đảo Thanh triều.

Công việc thứ nhất có Tôn Dật Tiên chủ trương. Trong những nhân vật cách mệnh, Tôn là một tay chuyên môn cổ động ở hải ngoại. Cổ động Hoa kiều để lấy tiền cung cấp cho

đang và cổ động người ngoại quốc đề gày thiện cảm với phong trào cách mệnh ở Trung Hoa. Từ năm 1896 cho đến năm 1911, Tôn vòng qua thế giới ba lần.

Lần đầu, năm 1896 đi từ Honolulu sang Mỹ rồi sang Anh. Ở Honolulu, Hoa kiều giúp cho quỹ đảng ngót 6.000 đồng Mỹ, kể lúc bấy giờ, cũng là một số tiền khá quan trọng. Sang đến Anh, bị nhân viên sứ quán Thanh triều bắt cóc. Nhưng may nhờ có ông thầy cũ là bác sĩ Cantlie cứu thoát. Vụ bắt cóc ấy làm cho dư luận nước Anh càng tăng thiện cảm đối với phong trào cách mệnh. Thoát nạn, Tôn sang Pháp, qua Âu châu rồi qua Tân Gia Ba trở về nước.

Lần thứ hai, năm 1904. Mục đích là cổ động Hoa-Kiều và mượn vay tiền của các nhà tài chính. Tôn sang đến Mỹ thì Tổng-lãnh-sự tàu ở Mỹ đưa các báo cáo tờ thông cáo sau này cho Hoa-Kiều : « Hiện nay, có một nhà lãnh tụ cách-mệnh mới đến đây tuyên truyền hư tin lừa dối Kiêu dân. Người học thức chắc ai cũng biết rằng, mục đích của hắn ta là xoay tiền bỏ vào túi riêng của mình để phung phí. Nhưng những người nông nổi có thể bị lừa.

Giữ trách nhiệm Tổng Lãnh sự, tôi phải báo cáo cho họ khỏi lầm. Vậy xin những phụ huynh có con em nên cảnh cáo chúng. Gã kia lấy tiền để tư dụng, và ai bỏ tiền ra lại liên lụy về sau ».

Xem đó đủ biết thế lực Tôn rất mạnh, và Thanh triều rất lo sợ. Vả tuy có tờ thông cáo nửa dọa nửa khuyên ấy mà Hoa kiều ở Mỹ cũng nhiệt liệt hưởng ứng công cuộc của Tôn : hơn 1000 điện thuyết ở rạp Washington Street, thính giả đến rất đông.

Lần thứ ba, vào khoảng năm 1910 Tôn lại sang Mỹ. Trong lúc đó thì ở Tàu đồng chí đã dự định sẵn sàng. Tôn đăng các báo một bài tuyên ngôn nói chính thể dân quốc sẽ đại khái phỏng theo chính thể của Mỹ quốc, và hô hào dân Mỹ ủng hộ cách mệnh Trung Hoa. Các báo Mỹ tranh nhau đến phỏng vấn Tôn, nhưng tiên sinh đều chối không chịu tiếp ai. Từ Mỹ, Tôn sang Anh và định vay các ngân hàng món tiền 500.000 livres Sterling. Nhưng lúc ấy ở Tàu, có nhiều việc quan trọng sắp xảy ra, đồng chí nhiều lần gửi điện yêu cầu tiên sinh về.

Sự hoạt động của tiên sinh ở hải ngoại rất có hiệu lực. Đối với người ngoại quốc, tiên sinh đã gây được nhiều thiện cảm với phong trào cách mệnh. Cho nên lúc cuộc cách mệnh Tân Hợi xảy ra, các cường quốc không nước nào can thiệp giúp chính phủ Thanh triều : đó là một điều lợi rất to cho sự thành công cách mệnh. Cũng có người nói sự bất can thiệp ấy

vị tất là do sự hảo tâm đối với Dân quốc Trung Hoa vì các cường quốc lúc bấy giờ cũng chẳng muốn gì Trung quốc có một Chính phủ Quân-thủ mạnh : cho nên theo chính sách phân ly để thủ lợi, họ rất vui lòng để cho một phong trào cách mệnh quấy rối chính phủ đương thời.

Cái đó cũng có thể có được. Nhưng ta phải nhận rằng, dân quốc cách mệnh chính phủ thành lập, thì liệt cường thừa nhận ngay ; vậy cho nên sự bất can thiệp trên kia vị tất đã hoàn toàn vì lợi, mà biết đâu chẳng phải một phần vì nghĩa, vì thiện cảm đối với phần tử dân chủ mà đứng đầu là Tôn Văn ?

Về phương diện tài chính, công phu của Tôn cũng rất to. Mấy triệu Hoa kiều ở hải ngoại đã gửi rất nhiều tiền giúp cuộc cách mệnh Trung Hoa. Được thế là cũng nhờ Tôn. Tiên sinh đã được họ tin, không những ở tài mà cốt ở đức : Tiên sinh đã tỏ cho mọi người biết hoạt động là đề hy sinh chứ không cầu tư lợi ; nên biết bao nhiêu lần thất bại, phí tổn biết bao nhiêu tiền, thế mà mỗi khi tiên sinh hô hào đồng bào đóng góp, lúc ở Mỹ, lúc ở Tân Gia Ba, hay ở Honolulu, thì ai ai cũng vui lòng giúp tiền nghìn bạc vạn không có một chút nghĩ ngờ. Lòng thí xả của tiên sinh, không những quốc-dân sùng ngưỡng mà cả những người ngoại quốc được biết tiên sinh cũng phải công nhận. Bình phẩm tiên sinh, ông Goerge Dutcher viết : « Dầu sao có một điều chắc chắn là trong Trung quốc, không ai đáng được phần tử trí thức, và chính đình, tín nhiệm và sùng bái như Tôn Văn ».

Cũng bởi lòng tín nhiệm vô hạn của quốc dân, nên tiên sinh được rất nhiều đồng chí giúp sức. Trong khi tiên sinh ở hải ngoại hoạt động, thì ở quốc nội, các bạn tổ chức cuộc tuyên truyền chủ nghĩa dân chủ cho quốc dân.

Công cuộc tuyên truyền tư tưởng dân chủ phát triển rất mạnh. Một con số đủ tỏ : tờ báo thứ nhất của Trung quốc phát hành ở Thượng hải năm 1870, thế mà năm 1910 ở Trung quốc có ước chừng 500 tờ báo.

Trong những vai kiện tướng của cuộc tư tưởng chiến đấu, ta có thể kể những tên sau này : lúc cuộc cách mệnh mới bắt đầu, có Trần Thiệu Bạch sáng lập ở Hương Cảng tờ Trung-Quốc Báo ; rồi mấy năm về sau bọn Tráp nguyên Thành, Trần Cầu Trai, Trương phồ Toàn, phát khởi tờ Quốc dân báo ở Đông Kinh ; ở Thượng hải thì có bọn Chương Thái Viêm, Ngô trỉ Huy ; Trâu Dung rồi đến khi Đồng Minh Hội thành lập có bọn Hồ Hán Dân, Uông Tinh Vệ, Trần Thiên Hoa viết tờ Dân Báo :

Nhớ lại công tuyên truyền của đồng chí, Tôn Văn có viết : « Chủ nghĩa cách mệnh được toàn quốc công minh thừa nhận như bây giờ, cũng là nhờ khắp các nơi đồng chí cùng theo một mục đích phát hành tạp chí, nhật báo, sách vở để truyền bá tư tưởng ».

Riêng về phần Tôn, viết rất nhiều, mà tác phẩm chính là bộ Tam dân chủ nghĩa, tuy có nhiều chỗ viển vông, nhưng được quần dân nhiệt liệt hoan nghênh và có ảnh hưởng rất sâu sa đối với hiến pháp Trung quốc.

Công việc thứ ba của Đồng Minh Hội là gây binh lực để thực hành cuộc cách mệnh đã đảo Thanh triều.

Phần tử hoạt động về công việc này là quân nhân và thanh niên. Quân nhân, ta có thể kể tên Hoàng Hưng, Lê Nguyên Hồng, Thái Ngọc đã có công to trong lúc cách mệnh thành công. Trình Khuê Quang, thủy sư đô đốc ở Lưỡng Quảng là người bị hại trong cuộc khởi nghĩa đầu tiên mà thất bại. Thanh niên thì có Lục Hiệu Đồng, Châu Quý Toàn cùng bị hại trong cuộc khởi nghĩa với Trình Khuê Quang (1895). Sĩ Kiên Như bị hại trong cuộc ném bom dinh tổng đốc Lưỡng Quảng; Hoàng Khắc Cường và đồng chí khởi sự đánh dinh Lưỡng Quảng Tổng Đốc (tháng ba năm Tân Hợi (1911)) : thất bại, bị giết tất cả 72 người mà bây giờ Trung Quốc thường gọi là « Thất thập nhị Tuấn Lương » ; và nên kể cả một nữ sĩ là Thu Càn cùng với Từ Tích Lân, Hùng Thành Cơ khởi sự ở Trường Giang (1907), thất bại Thu Càn bị giết.

Trước sau biết bao lần thất bại, mãi đến tháng mười năm Tân Hợi (1911) Lê Nguyên và Hoàng Hưng ở Võ Xương và Hán Khâu khởi sự đuổi được quân nhà Thanh, chiếm lấy Nam-Kinh : lúc bấy giờ cuộc cách mệnh Trung Hoa Dân quốc mới bước vào giai đoạn thành công. Nam Kinh thất thủ, 17 tỉnh Trung Hoa theo cách mệnh, thế là Dân Quốc thành lập.

Ngày 28 tháng chạp 1911 đại biểu 17 tỉnh tới Nam Kinh. Ngày 29, quốc hội bầu lâm thời Tổng Thống : Hoàng Hưng được một phiếu, Tôn Văn được 16 phiếu, trúng cử.

Muốn rõ sự vui mừng của một người Tân lúc bấy giờ, xin trích sau đây một đoạn văn của Thịnh Thành trong cuốn « Trung quốc cách mệnh trung chi mẫu tử » :

« Ngày mồng một tháng giêng năm 1912, một đoàn xe hỏa cõr cheo rục rờ đến Nam Kinh súng pháo dài vang trời, súng chiến thuyền rầy đất, 21 tiếng súng nổ, rồi đến một tiếng tung hô :

« Dân quốc vạn tuế ! »

« Cờ bay, kèn thổi, giữa hai hàng vệ binh hồng súng, Tôn Dật Tiên đến Nam Kinh để tuyên thệ Tổng Thống bên trái co Hoàng Hưng, đi sau co đoàn đại biểu liệt cường :

« Công chung đồng như kiến.

« Đền treo lẫn với cờ ; sáng rực thành phố.

« Ai cũng cảm thấy sung sướng.

« Tôn Dật Tiên cũng tỏ vẻ sung sướng trong bộ binh phục uy nghi nó gọi cho ta ý tưởng này : « Tân Trung quốc người phải có binh lực. Rồi hãy nói chuyện ».

« Mười giờ đêm. Lễ cử hành.

« Ai nấy đuôi sam đã cắt, đội mũ cao, và bàn áo « redingote » theo lối tây trang lễ phục.

« Càn đai bỏ từ ngày xưa đã cùng với cái đuôi sam ngậm ngùi noi thiên cổ.

Cựu lịch bỏ, dùng Dương lịch.

Ngày khởi thủy của Trung Hoa Dân Quốc, tức là ngày mồng một tháng giêng năm 1912, tức là ngày 13 tháng mười một 4609 nam sau vua Hoàng Đế là người đã sang lập ra Trung Quốc (Tân Hợi).

« Tôn Dật Tiên đứng giữa, Hoàng Hưng bên trái.

« Tôi dự lễ lấy tư cách một bậu tiên đáng viên

« Chúng tôi đứng làm hai hàng, cúi đầu ba lần chào Tổng Thống. Lợi quý lay ngày xưa không dùng nữa. Tôn Dật Tiên giữa vạn trung hoan hô và 21 tiếng súng dâng dần.

« Cử tọa muôn phần phiệt liệt.

« Kèn binh thổi vang, rồi giữa một bầu không khí im lặng và chứa chan hy vọng và tin ngượng Tôn thề :

« Tôi xin trung thành với nước, với dân... ».

« Đại biểu của Quốc hội đọc chúc từ xong rồi trao ấn Tổng thống cho Tôn.

« Tôn nhận lấy đóng ấn vào tờ tuyên thệ của mình.

« Rồi đại biểu liệt cường chúc tụng, rồi tổng thống giả lời...

« Rồi vang giầy vạn tiếng :

« Dân Quốc vạn tuế ! »

Sự tin tưởng, lòng hy vọng của quốc dân đối với chính thể mới thế nào, đọc qua đoạn văn trên đủ rõ.

Nhưng hy vọng ấy có thành không? Kết quả cuộc cách mệnh Tân Hợi ra sao đó là một vấn đề ta sẽ xét kỹ sau.

PHAN ANH

KỶ SAU KẾT QUẢ CUỘC CÁCH
MỆNH TÂN-HỢI

DỒ DỨC DỤC

CHÍNH SÁCH NGHIỆP ĐOÀN

TRONG cuộc Cách-mệnh quốc-gia Pháp văn-đề kinh-lẽ và xã-hội đã được chú-trọng đến đặc-biệt. Ngay từ tháng Aoút 1940 Chính-phủ Pháp đã cải-tạo lại nền kinh-lẽ quốc-gia, tổ-chức những nghiệp-đoàn để kiểm-soát một cách hiệu-quả tất cả mọi ngành hoạt-động. Trong một bản thông-diệp ngày 11 Octobre 1940 quốc-trưởng Pháp bày tỏ mối cần thiết của sự kiểm-soát kinh-lẽ ở tất cả các khu vực; một đạo luật ngày 16 Novembre 1940 cải-cách chế-độ hội vô-danh buộc thêm nhiều điều kiện nghiêm ngặt để chống lại sự quá lạm của chế-độ tư bản; quan-trọng nhất là đạo luật ngày 4 Octobre 1941 tức là bản Hiến-chương về Lao-động đặt nền móng xác-định, chung-cục cho chính-sách mới của Chính-phủ. Ở Đông-Dương, hai đạo luật ngày 6 Décembre 1940 và ngày 25 Mars 1941 cũng định sự tổ-chức những nghiệp-đoàn theo mẫu bên Chính-quốc (1).

Theo lời Quốc-trưởng Pétain, mục đích thiết-yếu của công - cuộc cải - tạo trên đây là dẹp yên sự tranh-dấu giai-cấp bằng cách nâng cao địa-vị của phái vô-sản, nâng cao đời sống vật-chất và tinh-thần của họ, làm cho trong xã-hội không còn giai-cấp đó nó là sản-phẩm của sự tổ-chức kinh-lẽ ở thế-kỷ thứ 19 còn đến bây giờ. Muốn đạt tới kết-quả này, Chính-phủ không dựa vào lý-thuyết mà dựa vào sự-vật, vào thực tại. Trong một bản thông-diệp vào ngày Nguyên - đán năm 1942, Quốc - trưởng Pháp tuyên - bố rằng: — « Tôi không muốn cho nước tôi theo cả chính - sách họ Mác (2) lẫn chính-sách tư-bản tự - do ». Tóm lại ta có thể nói chế-độ mới của nước Pháp là một chế-độ trung-gian, đứng giữa chính-sách quốc-quyền (étatismisme) và chủ-chính-sách tự do (libéralisme). Chính-phủ không chỉ-huy mà chỉ kiểm-soát và nhất là tổ-chức (3). Bao nhiêu hoạt-động về sản xuất, về giao-dịch đều phải chia loại và tập-hợp thành những đoàn-thể. Đại đề đó là chính-sách nghiệp-đoàn.

Trong bài này chúng tôi không có ý nói đến cách tổ chức kinh-lẽ riêng của nước Pháp hiện thời, mà nói chung về chính-sách nghiệp-đoàn: nguyên lai, định-nghĩa, hay dở của nó ra sao.

I.— Nguyên lai chính-sách nghiệp - đoàn

Cuộc Đại Cách-mệnh Pháp 1789 khởi-xướng lên nguyên tắc tự do: tự-do về chính-trị, xã-hội cùng là tự-do về kinh-lẽ: Riêng về phương-diện kinh-lẽ, đạo luật cốt-gốc Le Chapelier năm 1791, chịu ảnh-hưởng của phái Trọng-nông (Physiocrates) và những nhà kinh-lẽ học nước Anh chủ-trương thuyết tự-do như Adam Smith, phản-động lại chế-độ lập-phương (régime des corporations) từ thời Trung-cổ còn rớt lại và chính-sách tích-kim (mercantilisme) của nhà chính-trị Colbert. Nhà pháp-luật cách-mệnh muốn không có một cơ-quan nào đứng trung gian giữa cá-nhân và Chính-phủ. Nguyên tắc tự do lập ước làm căn-bản cho sự giao-thiệp giữa chủ và người làm công, sự giao-thiệp giữa người tiêu thụ và người xuất-sản cũng hoàn-toàn có tính-cách cá-nhân. Người ta tin ở một thể quân-bình tự nhiên về kinh-lẽ kết-quả ở sự vận-chuyển tự-do của hóa-giá theo phép vận-dụng của cung và cầu. Giá hàng-hóa, cũng là giá nhân công, lên hay xuống tùy theo biến đổi về nhu cầu của người tiêu-thụ cùng là về số hàng cung-cấp trên thị-trường: nếu giá hàng cao quá để cho người xuất-sản lãi nhiều sẽ có nhiều người ham lợi đổ xô vào ngành xuất-sản đó, như thế số hàng cung-cấp tăng lên và tự-nhiên giá hàng sụt xuống; trái lại nếu giá hàng hạ quá để cho người xuất-sản lãi ít, hay không có lãi, sẽ có nhiều người bỏ ngành hoạt-động không lợi đó, như thế số hàng cung cấp ít đi và tự nhiên giá hàng tăng lên; cứ như vậy, nếu không có gì ngăn trở sự cạnh tranh tự-do, tự-khắc số hàng cung-cấp tương-đương với sự nhu-cầu và giá hàng ở mọi mực vừa phải, không có sự bóc lột người tiêu-thụ mà cũng không thiệt thòi cho người sản-xuất, không bao giờ xảy ra sự khủng-hoảng về kinh-lẽ. Những nhà xuất-sản ai nấy chỉ lo sao kỹ-thuật của mình tiến-tới lên để rút bớt giá vốn đi cho hàng được rẻ, hoặc để phần vậ' tốt thêm lên, mong lấy được nhiều khách hàng; rồi họ cũng phải tùy theo sự biến đổi của

(1) Xem Thanh-Nghị số 43, ngày 18 Aoút 1953, bài « Tổ chức hiện-thời của nền kinh-lẽ Đông dương ».

(2) Karl Marx, dịch là Mác-khắc-Tư.

(3) La Revolution Nationale et la Question économique de Jaurès — R. Bailard.

nhu cầu, như mức sống, thời thức háy sở thích của người tiêu thụ, mà cạnh-cái phương-pháp xuất-sản bỏ ngành này tìm, ngành khác hợp thời hơn, tùy theo lợi nhiều ít mà làm. Nói tóm lại: quân-bình trên thị trường, tiến bộ về kỹ-thuật, uyển-chuyển về kinh-lẽ, đó là ba điều lợi người ta thường nêu lên của chính-sách tự-do. Hậu-suốt thế-kỷ thứ 19, hai yếu-tố quan-trọng của chính-sách đó: tự-do cạnh-tranh và theo đuổi tư-lợi đã làm cho nền kinh-lẽ tự-bản (4) phát triển đến cùng-cực do đó mang lại cho cuộc sinh-hoạt thế-giới một sự phồn-thịnh không ngờ.

Nhưng, khôn-thay, sự tự-do kia đã tự mang mầm tiêu-diệt của nó, hay nói theo lời tiên-tri của nhà kinh-lẽ xã-hội Proudhon: « Sự cạnh-tranh lại giết sự cạnh-tranh ».

Nhà pháp-luật cách-mệnh có một quan-niệm thiên thốn về lẽ tự-do, chỉ chú-trọng tới sự độc-lập của cá-nhân và không nhận ra rằng về hoạt-động của nhân-loại, tính-cách chuyên-môn ngày một tăng dần đã buộc tất cả mọi người vào một liên-lạc mỗi ngày một thêm mật-thiết. Các nhà xuất-sản tự-do theo đuổi tư-lợi, một thứ tự-do lý-thuyết và tiêu-cực, chỉ nghĩ sao cho cướp được nhiều khách hàng, tranh-đấu lẫn nhau, kẻ-mình đào-thoi kẻ-giữa. Một ngày kia chỉ còn một số ít công-ty thực-toại, với những máy-móc đồ-sộ, với những số nhân công lớn lao bắt buộc họ phải xuất-sản tác-nhiều và không ngừng, tung ra những hàng-hóa tràn ngập thị-trường trước một số người đủ sức mua ít-đi. Kết-quả: giá-hàng sụt-xuống một cách tai-hại, một cuộc khủng-hoảng về kinh-lẽ. Tự-nhiên, là người ta phải tìm đến nhau, lại cũng chỉ vì tư-lợi. Các nhà xuất-sản đoàn-kết lại thành những liên-minh, những tổ-hợp, mục-dịch để giới-hạn sự xuất-sản và nâng cao giá-hàng. Sự tự-do cạnh-tranh không còn. Cái thế quân-bình tự-nhiên, mất một yếu-tố quan-trọng, sự cạnh-tranh, chỉ còn là chuyện tưởng-tượng. Những công-ty lớn-tập-trung hoặc liên-kết không-nhiên nằm trong tay sự độc-quyền sản-xuất thực-hiện bấy giờ tha hồ tìm cách bóp-chẹt nhân-công và nhất là người tiêu-thụ. Chính-phủ không thể làm gì phải can-thiệp để bênh vực người mua cũng người thợ. Thế là hết thời tự-do.

Từ cuối thế-kỷ thứ 19 sang thế-kỷ thứ 20, những thuyết chủ-trương sự can-thiệp của Chính-phủ, tôn-trọng quốc-quyền, bành-trướng, rồi tràn-đông qua các nước Âu, Mỹ. Mọi người đều đến lúc tin rằng một nền kinh-lẽ do Chính-phủ quản-trị cần thiết để cho xã-hội thuận-tỷ với những kết-quả cuộc cách-mệnh về kinh-lẽ xảy-ra ở thế-kỷ thứ 19.

(4) Muốn hiểu rõ chế-độ tự-bản, xin xem định-nghĩa của nó đăng trong Thanh-Nghị số 25, ngày 18 Novembre 1942, bài « Cuộc tiến-hóa của nền tự-bản Âu-tây » của Vũ-văn-Hiến.

Thế quân-bình không thể nhờ ở sự vận-dụng của vài yếu-tố tự-nhiên mà có được, nó phải do ở những viên-chức chuyên-môn dựa vào những bằng-thống kê để thảo-ra từng chương-trình về xuất-sản, về tiêu-thụ, những chương-trình này sẽ do pháp-luật, do Chính-phủ can-thiệp, ban-bố những luật-tệnh ra để thi-hành. Nhờ đó mà những cuộc khủng-hoảng có thể tránh được và có sự công-bằng trong xã-hội, cuộc giai-cấp tranh-đấu không còn nữa.

Những chủ-nghĩa về quốc-quyền thực-ra rất nhiều và phức-tạp tùy theo sự chủ-trương về Chính-phủ can-thiệp vào kinh-lẽ nhiều hay ít, mau-hay-chậm: từ chủ-nghĩa xã-hội cải-lương (Socialisme réformiste) muốn Chính-phủ chỉ can-thiệp bằng những cuộc cải-cách từ từ để đặt không bao-đúng cho đến chủ-nghĩa cộng-sản quồn, ở mỗi cuộc cách-mệnh bằng vũ-lực đập đổ chế-độ tư-sản, lập-trung-lại-sản cùng-tà-tất cả các ngành hoạt-động vào một Chính-phủ cộng-đồng. Sự thực-hành những chủ-nghĩa đó cũng thực-tà khác-nhau qua các nước, và nhờ ở trận-đại chiến 1914-1918 và cuộc kinh-lẽ khủng-hoảng 1929 mà bành-trướng lên vô-cùng. Ở-nhiều nước còn giữ chính-thể tự-do những thực-hành đó thực-tà rời-rạc không có thống-hệ. Duy có Hoa-kỳ, từ năm 1933, Chính-phủ Roosevelt thi-nghiệm một chính-sách can-thiệp thực-ngặt. Một loạt những luật-lệnh ban-bố ra ở khắp các cơ-quan hành-chính, sắp theo thứ tự a, b, thiết-lập những chương-trình, về xuất-sản, chế-định hóa-giá và tiền-công. Ở-mấy nước khác như Nga, Ý, Đức, chính-sách quốc-quyền theo sau một cuộc cách-mệnh về chính-trị và nền kinh-lẽ thật-chặt trong những chương-trình, những luật-lệnh vô-cùng nghiêm-khắc.

Kết-quả những thi-nghiệm về quốc-quyền ra-sao? Kể-ra mọi người đều phải nhận-thấy rằng cuộc sống của người làm-công được nâng-cao lên ít-nhiều tùy từng nơi. Nhưng trước sự khủng-hoảng về kinh-lẽ, và trước những kết-quả tai-hại của nó như nạn thất-nghiệp, sự đình-trệ về hoạt-động, những phương-pháp thi-hành ở các nước tự-do cũng như chính-sách pháp-đền (système des codes) của Roosevelt đều tỏ-ra bất-lực. Đơn-như ở Nga, Đức, Ý, tuy nạn thất-ngh-ép được giảm, — kết-quả đó kể-cũng đã là to —, nhưng khối-lòng người-ta đã kết-thúc được vì sự tàn-tối kia ngấm-hợp với một cuộc lỏng-lỏng-viên giữa dân-chúng để sửa-sửa các chiến-tranh hiện-thời.

Dù sao chính-sách quốc-quyền chưa mang đến những kết-quả tốt-đẹp, vì vậy mà sinh-ra một trào-lưu tư-tưởng phản-động. Những thuyết mới này mâu-thuẫn một lên giữa dân-không-khí quốc-lẽ mỗi ngày một sầm-tối. Thực-ra đó không phải là những chủ-nghĩa mới mẻ mà chỉ là những cuộc điếm-đặt lại những thuyết xưa: như chủ-nghĩa tân-tự-do (neo liberalisme), chủ-nghĩa tân-xã-hội (neo socialisme) chỉ là những chủ-nghĩa tự-do về xã-hội tư-

kinh lại. Trong những chính-sách mới một số đồng người chủ - ý đến chính - sách nghiệp - đoàn, hay nói cho đúng là chính-sách tân - nghiệp - đoàn (néo-corporatisme).

Tại sao gọi là tân-nghiệp-đoàn?

Nguyên từ thời Trung-cổ sự giao-dịch giữa mấy nước ở tây và nam Âu với miền cận-đông làm cho nền thương-mại được phát triển: những thương-cục, gọi là portus, của những lái-buôn lưu-lãng (marchands nomades) thành lập và không bao lâu những nơi đó trở nên những đô-thị sầm-uất, nhất là từ thế kỷ thứ 12. Lúc đầu sự buôn-bán và công-nghệ hoàn toàn tự do: những tay mại-hiểm giang-hở nhờ sự đầu cơ tạp loạn trở nên giàu có như ở Hòa-lan và Ý-dại-lợi. Nhưng không bao lâu trước sự bất lợi của cạnh tranh phóng túng những lái buôn hội-hợp thành những thương-đoàn, gọi là gildes và hansas, để điều-chỉnh và che-chở sự giao-dịch cho được yên ổn, chống lại quân cường-đạo và đối phó với những nhà quý-tộc để chiếm độc-quyền bán hàng và quyền thống-trị những thành-thị. Về phía những thợ-thuận, những nhà công-nghệ dần-dà rời họ cũng hội hợp thành những phường hay nghiệp-đoàn (corporations); lúc đầu đó chỉ là những hội tư, chỉ có mục-đích kinh-tế là vận-dộng để thoát vòng áp-bức của phải tằn tức là những tay lái buôn giàu có và quyền hành; nhưng rồi về sau những hội đó lại trở nên những cơ-quan có tính cách công, thay những thương-đoàn cầm quyền thống-trị những thành-thị. Họ lại chế-pháp và giới-hạn sự cạnh-tranh: lấy chính-sách độc-quyền thay vào và đảm bảo sự bình-đẳng giữa những người đồng-nghề. Các nhà công-nghệ trong đoàn được độc-quyền xuất-sản bán phẩm-vật, định giá, mua nguyên-liệu hay nhân-công; đoàn lại cố giữ cho mọi người được ngang nhau về số hàng xuất-sản cũng như về phương-pháp: quảng-cáo và kỹ thuật; như thế không ai được tự ý thay đổi phương-pháp không ai được khuếch-trương kinh-dinh của mình quá một giới-hạn hoặc kiểm-quản nhiều công-nghệ khác nhau. Muốn hưởng những quyền-lợi phải là người trong đoàn, mà cũng phải là những thợ cả (maîtres); những người này bắt đầu là thợ lập nghề (apprentis) trở nên thợ bạn (compagnons) rồi phải qua một kỳ thi ngặt-nghèo mới thành thợ cả.

Cách tổ chức trên đây, tức là chế-độ lập-phương (5) hay chế-độ nghiệp-đoàn cũ, đã thích dụng từ đời Trung-cổ cho đến cuối thế-kỷ thứ 18 và mặc dầu những can-thiệp của nhà vua, phải đợi cuộc Cách-mệnh 1789 mới phá đổ được hẳn. Sở dĩ người ta

phản-đối chế-độ đó là vì mấy nhược - điểm chính sau đây: chính sách độc-quyền đã gây ra nhiều những-lạm như sự tăng giá hàng làm thiệt hại người tiêu-thụ, sự ức-hiếp những kẻ ở ngoài đoàn; — chính sách bình-đẳng trong đoàn là một trở-lực lớn cho sự tiến-bộ, sự cạnh-lan; — những kỳ thi lên bậc thợ cả thì thực là bất công và thiệt-vị, người ta chỉ tìm cách đim người ngoài và bênh-vực con cháu trong nhà. Một đạo sắc-chỉ của nhà vua vào tháng février 1776, tố-cáo chế-độ kia, đã nói: những nghiệp-đoàn chỉ theo đuổi tư lợi, làm hại cho toàn-thể xã-hội. Vì vậy mà có đạo luật Le Chapelier năm 1791 đã nói ở trên, chế-độ lập-phương ở Pháp bị bãi, và dần dần ở các nước Âu Châu.

Nhưng, ngày nay, trước sự thất-bại của chính-sách tự do, trước sự vô-hiệu của những thí-nghiệm về quốc-quyền, người ta quay nhìn lại chế-độ nghiệp-đoàn xưa, muốn xél lại những ưu-điểm của nó, hoặc giả có thể giải-quyết được những nỗi khó-khăn hiện-thời chăng.

Thực ra ngay từ khoảng năm 1870-1871, hai vị võ quan Pháp là Tour du Pin và Albert de Mun, trong khi bị cầm giữ ở bên Đức đã nghiên cứu những vấn-đề xã-hội và đi tới lời kết thúc rằng cuộc Cách-mệnh 1789 đã là nguyên-nhân của những tai-họa ở xã-hội cận đại. Người ta đã nhầm là phá bỏ chế-độ nghiệp-đoàn xưa mà không cải-cách, tu-chỉnh nó để đến nỗi gây nên những cuộc khủng-khoảng và sự khốn cực cho giai-cấp thợ thuộ ngày nay. Khi trở về nước hai nhà học-giả đó tìm cách tuyên-truyền thuyết của mình. Nhưng kết-quả, trừ một số ít người giong đạo Gia-tô hưởng-ứng, còn không ai để ý đến vì người ta chỉ hoặc theo chủ-nghĩa tự-do, hoặc theo chủ-nghĩa xã hội, đều có ít người tìm con đường giữa cũng không mấy ai nghĩ rằng chính-sách nghiệp-đoàn có thể ở đâu đường.

Mãi chừng mười năm gần đây, khoảng từ 1932-33, sau khi mọi nước đều tỏ ra bất-lực trong công cuộc chống nạn khủng-hoảng kinh-tế tàn-khốc xảy ra từ 1929, phong-trào nghiệp-đoàn bỗng nổi dậy và lôi cuốn hấp dẫn một số người rất đông ở đủ mọi phương tự cả giới chính-trị và xã-hội. Nhiều nhà kinh-tế-học nghiên-cứu và xuất-bản những sách luận về chủ-nghĩa nghiệp-đoàn hay tân-nghiệp-đoàn. Một luồng tin-tưởng mạnh-mẽ ở sự hiệu quả của chính sách đó để giải-quyết những điều khó-khăn của thế-giới hiện-thời và kết-thúc sự hỗn-loạn về kinh-tế và xã-hội ngày nay.

Nay ta thử xét nội dung của chính-sách nghiệp-đoàn cùng định nghĩa của nó.

Đ. Đ. D.

KỲ SAU: ĐỊNH NGHĨA VÀ NỘI DUNG CHÍNH SÁCH NGHIỆP ĐOÀN

(5) Danh-từ này chúng tôi dịch ở tiếng Pháp « régime des corporations » chỉ chế-độ nghiệp-đoàn xưa, để phân biệt với chính-sách nghiệp-đoàn bây giờ (Corporatisme) cũng gọi là Tân-nghiệp-đoàn (Néo corporatisme).

I
Thân-thế

NGHỆ
thuậ

tư - tưởng

một nhà văn

cũng như kết

cấu, khuynh

hướng ảnh

hướng tất

cả các tư

trào. phải

nhận xét

theo bối-

cảnh lịch-sử mới có thể giải-thích xác đáng.

Nhà đại văn-hào hiện-đại nước Tàu mà văn-đạo thể giới trong hai mươi năm gần đây, vẫn quen gọi theo hai chữ bút-danh « Lỗ-Tấn », (Lutsin), nguyên tên thật là Chu-thụ-Nhơn, tên tự là Dự-tài, sinh ở phủ Thiệu-Hưng, tỉnh Chiết-Giang năm 1881, trong một gia đình nhà nông. Gia-tư nhà họ Chu xưa kia cũng có thể gọi là khá giả: có được bốn năm mười mẫu ruộng sâu. Nhưng trong nửa thế kỷ vừa qua, nền kinh-tế nông nghiệp Trung-Quốc đã bị ngập dưới làn sóng tư bản chủ nghĩa cuốn cuộn từ Âu dõa sang, tràn lan cả đại lục Á-tế-Á. Trữ tình thế khủng hoảng chung; tài sản họ Chu cũng dần dần sa sút nhiều. Mặc dầu, vì nề nếp gia đình, cha mẹ vẫn cần cù làm lụng, và hy sinh, để cho sự học con cái khỏi bị dấn-đọa. Bởi vậy lúc bé Chu-thụ-Nhơn và em là Tác-nhơn (hiện nay cũng là một nhà văn có tiếng ở Tàu) — đã được đào luyện kỹ càng trong khuôn khổ nền giáo dục phong kiến hồi ấy. Dưới thế lực ngọn roi của mấy cụ đồ nhà quê, tư tưởng và triết lý Lão, Trang, Khổng, Mạnh, văn chương Hán, Liều Âu, Tô... vẫn tiến hành sự mạng diu dắc thanh liêm, theo lối lối nghề cũ từ. Hy-vọng của bố mẹ, của các cụ đồ bản cũng như tất cả bao nhiêu bố mẹ và ông giáo nước Trung-Quốc hồi bấy giờ; cho trẻ học hành để mong ngày sau chúng nó sẽ đậu đạt, may thời ra vào trong « miếu-đường » « dương thanh-danh, hiền phụ-mẫu » « Tri-quân, trạch dân », « vinh thân, phì gia » (Không nữa cũng biết « tu thân, tề gia » như... trăm nghìn cụ đồ khác.

Nhưng một ngày kia, sinh kế gia đình đã sa sút hẳn đến tình cảnh nghèo nàn. Năm Thụ-nhơn lên 10 tuổi, bố mẹ đành phải cho con qua ở nhờ bên nhà một người bà con. Từ ngày ấy, là cậu bé bắt đầu nhận thấy « bộ mặt thật của người đời, và sẽ dần dần nếm đủ mùi cay đắng của cảnh nghèo ». Trong cách đối đãi, bất hủi hằng ngày của thân thích, cậu thấy rằng: một người không tiền không có thể có bà con và sẽ bị khinh rẻ, dè dặt ngay từ trong họ hàng mình. Sau cuộc kinh nghiệm

ILỒ TẤN

== (1881-1936) ==

== ĐẶNG THÁI MAI ==

mấy năm
giới đó, một
ngày kia,
Chu-thụ-
Nhơn đành
phải về nhà
cha mẹ. Gia
sản hồi này,
đã hết sạch
trơn. Trong
cảnh tình
khốn khó
ấy, ông thân
lại đau nặng.

Mấy dòng sau đây, trích ở tập ký-ức của Lỗ-Tấn, đã tả rõ cảnh cực khổ của một gia đình túng thiếu, trong khi chạy chữa cho người bệnh.

«... Cái quây hiệu thuốc cao ngang đầu tôi. Cái quây hiệu cầm đồ, cao bằng hai tôi. Đứng dưới cái quây cao bằng hai tôi, của nhà cầm đồ, tôi rón rén đưa quần áo, đồ đạc trao lên, và nhặt lấy mấy đồng bạc, mà người chủ xĩa ra cho tôi trên mặt quây một cách rất ngạo nghễ. Rồi tôi đi đến cái quây cao ngang đầu tôi của sử-thuốc để cầm một vài thang thuốc mang về cho cha tôi đang trần trọc, rên rỉ trên chiếc giường bệnh mấy tháng trời này. Nhưng bấy nhiêu công của, chung quy vẫn là vô hiệu. Lại khoa huốc của các ông lang hồi bấy giờ: nó chỉ là một cách nói-lời, lừa người để lấy tiền mà thôi.

« Cụ lang này là một ông lang danh sư nổi tiếng trong vùng. Phải thuốc cụ cho rất là cầu kỳ; cụ bắt tôi đi tìm hào là rễ lãn đông-chí, mía kinh-sương đã ba năm, để đồng đủ đôi đực và cái...v.v. tuyền là những vật khó tìm. Thế nhưng bệnh vẫn càng ngày càng nặng, và một ngày kia cha tôi mất. Thế là năm mười sáu tuổi, Chu-thụ-Nhơn mồ côi cha. Nhưng thời cuộc nước Tàu còn dành cho toàn thể thanh niên những nỗi tủi nhục, cay đắng bằng mấy sự khổ sở của một gia đình mẹ góa con côi nữa. . . Ngót năm mươi năm lịch sử ngoại giao, chính sách ngoan cố và ngu muội của Triều đình Mãn thanh đã đập vùi thể diện dân tộc Trung-hoa dưới những sự nhục nhã chưa từng thấy. Chúng ta còn nhớ: Trận Nha-phiến chiến tranh xảy ra trong khoảng 1840-1842; trận Trung-pháp: 1857-1860; Cuộc động binh nước Đức ở viễn-dông 1859-1862;... và đến 1886 thì quyền quản trị của Tàu ở Diên-diện, cũng vào tay người Anh. Mỗi một cuộc ngoại giao thất bại, là một cuộc chiến tranh xảy ra một cuộc chiến tranh xảy ra là một lần bị nhục bại trận; và kết cục mỗi lần bại trận lại là một tờ hòa ước bất bình đẳng! Trong cảnh tình ấy, bọn thanh niên anh tuấn của Trung-quốc, những người còn chút tâm huyết, ai là không tìm ruột

bầm gan với quốc thể nhân tâm? Nhận kỹ nghĩa lịch-sử, chính trị Trung-quốc hồi bấy giờ, chúng ta thấy rằng: từ các cuộc nội loạn do dân chúng tự động gây nên (như là Thái bình thiên quốc (1850-1864) và Loạn quyền phi (1900-1901) sau này), cho đến những phong trào cải cách hoặc phản động của các đảng phái trong chính phủ Mãn thanh đã chủ trương, (như cuộc Mậu-tuất biến chính (1893) và cuộc đảo chính của Tây-hậu sau hồi đó), tất cả bấy nhiêu phong trào chính trị chỉ là ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của mỗi công phần còn hăm lức dưới chính sách chuyên chế của Triều Mãn, đã đến ngày đồ nát mà vẫn ngu muội, kiêu căng, độc ác! Trước tình thế này, Chu-thụ-Nhơn cũng như anh em thanh niên đồng chí, không có thể giữ thái độ lãnh nhậm được!

Tâm hồn cá nhân vẫn là hồi quang của thời đại và kinh nghiệm là nền tảng nghệ thuật cũng tư tưởng của nghệ sĩ, của học giả. Tác phẩm của Lỗ-Tấn sau này sẽ chứa chan những tình yêu đương đối với tất cả các người nghèo khổ đã bị lường gạt, dầy vò, dưới thế lực của đồng tiền, dưới oai quyền của võ lực. Nếu buông tâm nghệ sĩ không thiết tha đập nhịp thiện cảm và đồng tình với « những kẻ khốn nạn », nếu tâm hồn nghệ sĩ không hấp thụ được những dòng thở dài, những hơi rên rỉ và lời than vãn của đại chúng, thì quyết không thể mô tả được bấy nhiêu tâm tình u uất, bấy nhiêu nét mặt đầm đìa những mồ hôi, nước mắt và máu tươi của kẻ đã bị bắt hủi, bị hi sinh trong một vùng sinh hoạt quá vô tình, bấy nhiêu nhân vật đã đội lấy cái tên tiền định như là Á-Q, là không Ất-Dĩ v. v. Trong tập « nhật ký anh điên » (cường nhơn Nhật-ký (1918) Lỗ-tấn sẽ viết:

« Tôi mở rộng bộ Lịch sử để tra xét. Bộ Lịch sử này không có niên-hiệu, thế-đại. Đọc ngang, ngang dọc, nhan nhản trương rào, trương ấy đầy những chữ « Nhân, nghĩa, đạo, đức » tôi nhìn đút cả mắt, mèm mèm với mấy chữ đó không ngủ được. Đọc rất kỹ càng, suốt nửa đêm ròng, mới khám phá được những chữ khác đã in kín lìm lìm vào giữa khe mấy hàng chữ đẹp đẽ trên kia; thì ra cả một bản sách, từ đầu chí cuối tuyền là hai chữ « Ngặt nhơn » (ấu thật người) »!

Lâu đài phong kiến ở Tàu đã đến ngày đồ nát. Nhưng mặt trận chính phủ Mãn-thanh còn ghi tên một ông vua coi thể gọi là một người vua hiền, ấy là vua Quang-tự (1875-1908).

Quang-tự là một ông vua thông minh, nhân từ đã có nhiều ý nghĩ tốt. Khốn một nơi không có đủ nghị lực, cho nên bao nhiêu quyền chính đều vào tay bà Từ-hi Hoàng thái hậu (Tây-hậu) cùng bè đảng của bà. Mãi đến năm 1889 thì vua mới lâm chính. Ngay năm ấy, Quang-tự lệnh triệu những danh nho trong nước, như là Khang-hữu-Vi, cùng

bọn học trò-giỏi của Khang là Lương-khai-siêu Đàm-tự-Đồng... lên Bắc kinh cho tham dự vào chính trị để thực hiện cái chương trình biến-pháp và lo « tự-cường, duy tân ». Lịch sử cuộc biến pháp 1889 không ở trong phạm vi bài này. Chỉ nên nhắc lại rằng; Ảnh hưởng của phong trào cải lương ấy đã xúc động được tinh thần giác ngộ của cả đám thanh niên nước Tàu hồi ấy. Họ tin rằng: muốn cứu quốc thể nào cũng phải Âu-hóa, phải thâm nhập lấy tinh thần khoa học của Âu-châu.

Cộng cuộc Khang Lương chỉ được mấy tháng thì thất bại, vì sự phản động của bè đảng Tây-hậu. Nhưng tư tưởng Khang, Lương vẫn nở các tờ báo công khai hoặc bí mật truyền bá khắp 18 tỉnh. Một mặt nữa quan liêu trong triều-dinh, và ngoài địa phương, còn nhiều người có thế lực như là Lý-hồng-Chương, Trương chi-Đồng cũng ủng hộ phong trào mới, nên nhiều trường công, trường tư đã được thành lập, để giúp bọn thanh niên thâm nhập học thức phổ thông và chuyên môn về khoa-học. Trong khoảng hai mươi năm giữa những bài hồ hào tha thiết khuyên anh em « Xuất dương » « Đông độ » (qua Nhật-bản) trên các báo, các tạp chí ở Nhật và ở Tàu (nhất là tờ Tân-dân Tùng báo) đã gây nên những tiếng dội đồng-tinh rất rộng rãi và mạnh bạo giữa đám trí thức.

Một ngày kia, bà mẹ góa, lẽ chẵn hai quãng nước mắt, đưa con ra ngõ: Cậu Chu-thụ-Nhơn vừa thi đỗ, được học bổng vào trường Thủy-quân-học hiệu chính phủ mới mở ở Nam-kinh, và bà cụ già chạy vạy mấy ngày giờ, nhân thân được tám đồng bạc giao cho con du học!

Lên Nam kinh, Thụ-nhơn vào học ban cơ khí. Nửa năm sau, xin đổi sang ban khoáng-học. Tốt nghiệp xong, Chu lại được cấp học bổng để sang du học bên Nhật. Trong lúc ở Nam-kinh Thụ-nhơn đã say mê với mấy bộ sách về khoa-học mà người Tàu dịch ra như là Toàn-thể-tân-Luận; Hóa-học; Vệ-sinh luận, Thiên-diễn-luận. Ngày nay không ai nhắc đến mấy bộ sách dịch ấy nữa! Nhưng đối với thanh niên Tàu say mê với văn hóa Âu-châu hồi ấy, thì tư tưởng đó là một vũ trụ mới. Trung nghề phiên dịch sách hải-ngoại để truyền bá tư tưởng Âu-tây, Nghiêm-phục, mặc dầu có những chỗ nông nổi và lầm lỗi, vẫn là một nhà học giả có công to với phong trào duy tân ở Tàu.

Chu-thụ-Nhơn quyết chí lĩnh hội cho thấu đáo cái tinh thần khoa học phương Tây.

Chu thấy rằng: « So sánh những điều mình vừa học được, với lối lý luận của cụ lang-vườn độ nọ, thì thấy rõ rằng mấy ông thầy thuốc Tàu chỉ là một bọn dụng tâm, hoặc vô ý thức để gạt người mà thôi! »

Qua đến Nhật, Chu-thụ-Nhơn lại đổi ý kiến và bỏ khoa khoáng học mà theo nghề thuốc. Số là với khối óc hại mười tuổi, Chu tin rằng: « Công cuộc

duy tân, tự cường nước Nhật là phát đoạn ở nghề thuốc phương Tây.»

Hai mươi năm sau, trong tập kỷ ức Lỗ-tấn sẽ viết: «Mộng tưởng của tôi hồi ấy đẹp đẽ vô cùng. Tôi ao ước sau khi tốt nghiệp về nước, sẽ đem học thức mà cứu chữa cho hết thảy mọi người đau ốm và bị lừa gạt như cha tôi ngày trước. Và nếu như một ngày kia có chiến tranh, là tôi sẽ xin đầu quân để chữa cho quân lính. Một mặt nữa tôi tin rằng: Nghề làm thuốc sẽ gây nên cho quốc-dân một mối lòng tin vững vàng đối với công cuộc duy tân.»

Sự thực thì hồi ấy khoa y học ở Nhật cũng được chính phủ chăm quyền giúp đỡ thiết. Nhưng chẳng bao lâu sau lúc đã nạp quyền học-bạ vào một trường y-khoa chuyên môn của một tỉnh nhỏ, thì cái chí «y dân, y quốc» (trị bệnh dân đề mà trị bệnh nước) một ngày kia lại tiêu tán, theo trăm nghìn ảo tưởng hoặc hy vọng khác của lứa tuổi

Giữa lúc Chu theo học thì cuộc Nhật Nga chiến tranh 1904-1905 xảy ra. Một hôm, đi xem chiếu bóng, trên phim chiến tranh, Chu nhìn thấy hình ảnh một bọn đồng-bang khá đông lóng lánh trên màn ảnh. Chính giữa, một chú khách, lực lượng vạm vạp, bị trói gấp cánh khỉ vào một cái cột. Đồi bên, một lũ khách khác đứng vòng quanh trượng mắt, hác miệng đứng xem; chú nào chú nấy cũng lực lượng như người bị trói; và cả lũ xem ra nể mặt đều có vẻ ngớ ngẩn, ngu si. Đọc mấy câu giải thì biết chú khách bị trói kia, vì đi làm thám tử cho Nga Hoàng, nên bị tòa án binh Nhật xử tử. Tấn tưởng này làm cho nhà thanh niên du học lại nghĩ đến sự kiểm điểm lại cái chí hướng đã ôm ấp mấy năm nay. Cũng trong đôi tự thuật đã dẫn trên kia, Lỗ-tấn sẽ viết: «Chưa hết khóa học, tôi đã bỏ lên Tokyo. Số là sau hôm đó, tôi liền nghĩ rằng: nghề thuốc có lẽ cũng chẳng cần gì cho lắm. Nếu như dân nước ngu dại, thì sức vóc dầu mạnh khỏe, họ cũng sẽ chỉ là một lũ vô ý thức đem nhau đi làm tài liệu «bêu đầu» cho người ta xem, hoặc đi đóng vai tuồng làm khán giả để xem người đồng-bang bị bêu đầu mà thôi! Gầy gò, hèn yếu, đau ốm, chết toi, biết đâu không phải cũng là một sự may mắn cho một số người? vậy nên điều cần thiết cho «nước ta» bây giờ là cốt phải chạy phứa về mặt tinh thần trước đã! Và tôi tin rằng: Chỉ có văn nghệ mới chữa được tâm hồn người nước. Vậy tôi lập tâm định đề xướng cuộc Văn-ngệ vận-dộng. . . .»

Lên Tokyo, Chu gặp được mấy người «đồng hương», tức thì bàn bạc cùng họ đề mở một tờ tạp-chi lấy tên là «Tân-sinh». Mục đích duy nhất tờ báo này là gây dựng cho nước Tàu một nền văn học mới, Ngờ đâu: «Sắp đến ngày ra số đầu tiên,

thì một số đông trong bộ biên-lập đã đem-nhau lan đầu hết Ông bạn định xuất t ờ tạp-chi còn lại ba tháng kiết, thì không một xu nhỏ. Thế rồi chả bấy lâu ba chúng tôi cũng vì sinh kế bắt buộc phải tản mác, không có thể ngồi suông một chỗ mà bàn luận đến cái mộng tưởng đẹp đẽ của tương-lai nữa.»

Cuộc thất bại này là cuộc kinh nghiệm đau đớn đầu tiên trong hành trạng Lỗ-tấn. Lỗ đã viết «. Lúc đầu, tôi không hề biết vì sao mà kết cục lại xoay ra đến thế! Rồi tôi nghĩ: trong khi mình chủ-trương một việc gì, nếu như gặp người tán-thành thì cũng làm cho mình vui lòng mà bước tới. Bằng co kẻ phản-đội thì tinh-thần phấn đấu của mình cũng sẽ vì trở lực đó mà phân khởi. Duy chỉ có lúc mình kêu gào hò hét giữa cõi người, mà người vẫn im-lặng lạnh-lùng, không tán-thành cũng không phản-đội thì khác gì là mình nằm trơ giữa một cánh đồng hoang, một mù, không bờ bến, và đành chịu chết không biết lập lương, lui tới thế nào cả! Thế mới thiệt là đau đớn!

«Tôi thấy tình cảnh tôi bấy giờ vô cùng hư-quạnh.

« Nổi hiu quanh này, ngày một kéo dài, ngày một lan rộng và bám chặt lấy tâm hồn tôi in như một con rắn độc! »

Sự thất bại của Chu, kẻ cũng dễ hiểu:

Sinh kế đã ép uổng, đồng tiền đã phân-bộ, chí-hướng của Chu. Lại gì trong đám du-học sinh nước Tàu bấy giờ, những kẻ có chân-thành, nhiệt huyết thì trong mười người có chín là hạng nghèo khổ. Còn tại «con cái nhà» sinh trưởng trong các gia đình quan-tư, hoặc các nhà đại-thương, thì tìm đâu cho ra một lý công tâm và hy-sinh? Cái óc tư-sảo lớn, nhỏ vẫn là thế: sự hy-sinh của họ từ kẻ tóc chân lông, bao giờ cũng phải đánh giá thiệt tình, đích-đáng! Những công-cuộc lợi-ích chúng, những ý kiến mới mẻ, lạ-lùng, đều là những điều đáng sợ vì là nó nguy-hiểm cho cái tử-sắc nhà chúng. Không phải là chúng không biết phải trái. Nhưng nếu còn một phần nguy-hiểm cho quyền lợi cá-nhân thì quyết chúng chưa chịu làm!

Một mặt nữa phần đông dân Tàu hồi ấy hãy còn nằm trên một trình-độ lạc-hậu. Nếu như tờ tạp-chi của Chu có xuất-bản và tiến hành chẳng nữa thì họa chăng cũng chỉ gánh được cái sứ-mạng của chủ nghĩa lãng-mạn của bọn lãng-van «thị-dân» hồi ấy là cùng! Chế độ phong kiến và chính sách tư-bản ở Tàu lúc ấy vẫn còn chưa gây nên những điều-kiện lịch-sử thuận tiện để cho một nền Văn-học đại-chung có thể phát triển được.

Thất vọng, Chu-thụ-Nhơn có ý qua du-học bên Pháp để nghiên cứu văn-học. Nhưng, một lần nữa chí hướng Chu cũng không thành và cũng chỉ vì

ĐÃ XUẤT BẢN:

CHINH-PHỤ-NGÂM

CỦA THƯ-XÃ

ALEXANDRE DE RHODES

BẢN DỊCH PHÁP VĂN CỦA

BÙI VĂN LĂNG

cuốn sách thứ nhì trong một tùng-thư, có thể dùng trong ban trung-đẳng cò-diễn
Viễn-đông. Theo cách trình-bày ở bộ KIM VĂN KIỀU của ông Nguyễn Văn Vĩnh
dịch ra Pháp-văn

120 trang khổ 17×23 , bìa hai màu, có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh Quỳnh

Bản giấy thường. 1\$50, cước 0\$47

Bản giấy Đại-la impérial. 5\$00, — 0\$90

Mua lĩnh hóa giao ngân kèm thêm. 0\$30

TỔNG PHÁT HÀNH

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes, HANOI

PÉDOCA

vinaigre-cornichon

EN VENTE:

dans tous les grands
magasins d'alimentation

HANOI

N° 136, Boulevard A. Rousseau

Téléphone : 1663

ĐƯƠNG IN :

VANG BỔNG MỘT THỜI

của NGUYỄN-TUÂN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

ĐÃ CÓ BÁN:

của NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

512 trang — In đẹp

Bản thường. 5\$00

Bản đồ Văn (hết)

Bản Impérial Đại-la (còn một ít). 20\$00

Nhà xuất bản

ANH-HOA

69, Rue au Charbon, HANOI

một cơ : thiếu tiền ! Cực chẳng đã, sau lúc lưu-lạc quê người mấy năm giờ nữa, một ngày kia, Chu đành phải gởi về nước. Lúc bấy giờ Chu hai mươi chín tuổi.

Ngay năm ấy (1910) Chu được bổ làm giáo-viên trường Sư-phạm tỉnh Hàng - châu. Giáo - viên trong trường, phần nhiều mới ở Nhật qua. Họ không hiểu tiếng Tàu. Vậy nên ngoài khoa vệ-sinh và sinh-lý là mấy môn Chu đã phụ-trách, Chu còn phải nhận việc dịch các bài vở viết bằng tiếng Nhật, của các ông giáo Nhật, để giảng lại cho học trò nghe. Nếu ta nhớ đến địa vị lỗi văn « văn ngôn » hồi bấy giờ, thì ta sẽ thấy sự khó khăn của việc phiên dịch Thế mà bài dịch-văn của Chu bao giờ cũng lưu loát, dễ hiểu và thấu triệt.

Trong tập kỷ ức của Hạ-cái-tôn, một bạn đồng sự với Chu hồi ấy về khoa văn-chương, tác-giả đã kể rõ những nỗi khổ-tâm của các ông giáo tân-ban trong lúc họ gắng sức đạo dẫn tư-tưởng mấy ông đồ nho vào con đường khoa-học. Số là bấy nhiêu học sinh, và thính-giả xưa nay tai chỉ nghe những giọng « chi hồ, giả giả » và óc đã nhồi trong khuôn « Tử viết » « thi-văn » . . suốt mấy năm giờ, bây giờ họ thấy ông giáo trang-nghiêm đạo-mạo kia ngồi đem những sự vật tỉ mỉ hoặc « tục-tần » của vật-lý và sinh-lý mà mô tả, và đem tên-thật ra mà xưng-hô, thì họ đã cho là một sự quái-gở, đáng-cười ! Tuy vậy, học trò cả trường đều chăm chú nghe « Chu-tiên-sinh » giảng. Nhiều kẻ không được trực-tiếp nghe, cũng tìm tới nhà để xin những bản-thảo về nhà chép lại mà học. Đối với học trò trong lớp, Chu chỉ yêu cầu một điều: là không được cười đùa nói nhảm. Chu-dự-Tài lúc bấy giờ đã nổi tiếng là nghiêm-nghị và dạy giỏi.

Chẳng bao lâu thì phong-trào bài Mãn khắp nước đã sôi nổi. Chu-thụ-Nhơn bỏ nghề dạy học, và định vào một nhà in làm chân diên-tập, nhưng lại bị cự-tuyệt.

Cuộc Tân-hội cách-mạng đã thành-công (1911). Chu-thụ-Nhơn được bổ làm hiệu-trưởng trường Sư-phạm phủ Thiệu-Hưng. Mấy năm sau, lại lên Bắc-kinh làm giáo-viên trường Đại-học Sư phạm. Năm 1926, Chu phụ trách khoa văn-chương trường Đại-học ở Hạ môn. Đến năm năm trước lúc mất, Chu sẽ lên ở hẳn Thượng-hải.

Đời trước thuật của Chu-thụ-Nhơn bắt đầu từ năm 1918, lúc Chu lấy hai chữ bút-danh là Lỗ-Tấn. Từ bấy giờ gởi đi, trong mười tám năm, Lỗ sẽ là một nhà văn luôn luôn đứng trước tiên-tuyên nền văn-học Trung-quốc. Trong mười tám năm giờ, dưới những biệt-hiệu khác nữa : (Tự-thụ, Lân-phí, L. S, Thần-Phi, Đường sĩ, Mỗ-sinh-giả, Tuyết-chi, Phong-thanh) Chu-thụ-Nhơn luôn luôn phát biểu ý-kiến và phiên-dịch văn nước ngoài trên các tờ báo tân-tiến như là « Tân trào xã » « Tân Thanh-niên » v. v.

Mỗi động-cơ đã xui dục Lỗ gia nhập vào các văn đoàn đó, vẫn là chí-hướng xưa kia Lỗ đã theo đuổi lúc còn ở bên Nhật, Lỗ chỉ muốn gây nên một nền văn học bạch-thoại, đề mà cải-tạo xã-hội Trung-quốc. Lúc đầu, Lỗ vẫn chưa có ý gì sáng-lạc, Lỗ chỉ muốn phiên-dịch những danh văn ngoại-quốc. Nhận thấy địa-vị nước lâu trên trường quốc-tế hồi bấy giờ cũng tương tự với các dân-tộc bị áp bức ở Đông Âu, Lỗ đã lưu tâm nghiên-cứu tinh-thần Đông-Phương nhất là văn-học của các dân-tộc cận Đông ở vùng Ba-Nhĩ-Cán. Sau đó Lỗ có ý sưu-tầm những tác-phẩm của Ai-cập và Ấn-độ, nhưng chẳng tìm được gì là đặc-biệt. Lỗ mới quay gởi lại về văn học Nhật-bản và nền văn-nghệ mới, của Xô-Nga Hạ-mục Sái-thạch và Sâm-Âu (Nhật). H. Sienkiewicz (Ba-Lan) Gogol, Tolstoi, Dostoevski, Tchekov, Maxime Gorki là những nhà văn mà Lỗ thích hơn hết. Trước kia Lỗ thỉnh thoảng đã viết một ít văn bài đăng trong các báo do bọn Hóa-kiều chủ-trương ở Nhật. Lên Bắc-Kinh, lúc đầu, Lỗ vẫn tự nghĩ là không có tài viết tiểu-thuyết. Bận bè ép nài mãi, Lỗ muốn dịch sách, nhưng ở Bắc-Kinh tìm mãi không được nguyên-bản. Muốn cho « tác-trách », Lỗ đành phải cho ra cuốn « Cuồng-nhơn nhật-ký » (1918)

Từ 1918 gởi đi. Lỗ là một chủ-não trong cuộc văn học vận động ở Tàu. Trong tờ Tạp-chi Tân-thanh-niên do bọn Trã-độc-Tú chủ trương, Lỗ bắt đầu viết tiểu-thuyết, truyện ngắn và tạp-trở. Dưới ngòi bút sắc-sảo, tinh-vi của Lỗ, văn Bạch-thoại đã đi tới một trình độ cao, và ít được ảnh-hưởng các nền văn-nghệ cổ-diên (văn-ngôn) Lãng-mạn, và phong trào « Phục Cổ » hồi bấy giờ.

Mấy bài văn hồi ấy, về sau, Lỗ thấu thập lại in thành tập « Nhuế bá », (hò-hét) trọn bộ mười bốn thiên.

Kể ra tiếng hò hét của nhà văn trong bấy nhiêu năm cũng không lấy gì làm háng hái cho lắm. Lại còn những giọng hoài-nghĩ nữa là khác. Số là từ 1911 đến 1924 Lỗ lại nhìn thấy nhiều điều thất vọng nữa. Thất vọng với hai cuộc cách-mạng, sau lúc đã thấy Viên thế Khải xưng-đế, Trương Huân « phục-tích ». Nhưng đối với phần tử tân tiến, Lỗ vẫn có nhiều cảm tình « nên cũng cầm bút, trước để giúp sức với hạn bèo, sau cũng muốn đem những trạng thái liệt bại của nước nhà ra mà phân-tích, mà giải-phẫu, để cho đại-chúng lưu-tâm đến sự cải-lương ».

**Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua
VÉ SỞ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG**

Bộ tiểu-thuyết đã nổi tiếng trên văn đàn thế-giới gần đây — Á Q chính truyện — là một tác phẩm viết trong lúc Lỗ giúp việc biên tập ở tòa báo Tân-thanh-niên và xuất-bản vào năm 1921.

Sau lúc đoan-thể Tân-thanh-niên đã giải tán, thì một lần nữa nhà văn-sĩ lại cảm thấy nỗi « cô đơn của một nhà thám-hiêm, the the một mình, trên miền sa-mạc ». Thỉnh thoảng có lúc cảm-hứng, Lỗ có viết một ít tản-văn. Về sau góp ại thành tập Dã-thảo (cổ đồng) và tập Bàng-hoàng (1922-1926).

Mười năm sau, duyệt lại văn hồi ấy, Lỗ sẽ nhận thấy rằng: nghệ-thuật đã khá hẳn lên, nhưng tinh-thần tấn thủ lại nguội lạnh mất nhiều. Hai chữ « Bàng-hoàng » Lỗ đã dùng để đề tên tác-phẩm thiết đã tóm tắt cả một mối tình khăng khít, nhớ anh em ngày xưa, và mong mỗi những bạn bè chưa tới:

« Đường man mác trông dài giăng giặc,
Cũng liều công xuôi ngược để tìm xem! » . . .
« Lỗ man-man kỳ tu viễn-hề,
« Ngô-tương thục-g-hạ nhi cầu sách »
Tựa cuốn « Tự truyện tập »

Mong mỗi, tìm lời . . .

Trong mấy năm sau, tinh thể vẫn chưa có gì là thỏa thích nguyên-vọng của một người nhiệt thành yêu nước, yêu nòi giống, yêu tất cả những kẻ bị dầy vò trên thế giới. Chủ Á Q trong truyện phản nán rằng: « Đã cách cái mạng đi rồi, mà chỉ có thể thôi tr!» Có thể thôi! Và có lẽ lại tệ hơn nữa! Công cuộc Bắc-phạt ráp thành công, (1926) bỗng dựng công cuộc Bắc-phạt lại bỏ dở; và bọn quân phiệt vẫn hoành-hành! Quốc-Cộng hợp tác, nhưng trào-lưu phản-động lại phá tan hẳn công cuộc hợp tác (1927-1928). Chung quy dân-tộc Tàu vẫn nằm trong cảnh bán thực dân! Với cái tinh thần cương-ngbị, xưa nay Lỗ vẫn không hề chán nản với thời cục. Ngày ở Bắc-kinh, Lỗ đã dùng ngọn bút phúng-thích đề công - kích bọn đề - xướng « Quốc Tủy » một cách ngoan-cổ như nhà giáo Trần-tây-Oánh và phái Tân - Nguyễn! Lỗ khuyên anh em phải « giữ vững nỗi lòng bất bình, nhưng không bao giờ bi-quan (Lương-địa-thư) ». Lúc bị bọn Cánh-sỹ Chiêu không dung, Lỗ bỏ về Hạ-Môn, rồi lại về Quảng Châu (1927). Thấy cuộc Cách-mạng Quảng-Châu đã bị lợi-dụng đi đến đường phản-động của hữu phái quốc dân đảng, Lỗ lại công kích bọn phản-động. Thế là bị chính-sách thanh-đảng khai trừ, và lại bị công-an-cục « giam lỏng » ngày đêm có người canh giữ, theo dõi. Vì vậy mà Lỗ cũng phải đặt đề.

LỖ TẤN LỖ TẤN

DANH-VĂN NGOẠI-QUỐC

HAI QUAN - NIỆM VỀ QUỐC - GIA

I. — Vài tư tưởng của Maurice Barrès

MỘT người có tinh-thần quốc-gia, đó là một người Pháp nào đã linh-hội được sự cấu-lạo của bản thân. Tinh-thần quốc-gia chính là sự thừa-nhận một định-mệnh (déterminisme).

Thế nào là chân lý? Không phải là những sự vật dễ biết, chính là tìm lấy một điểm nào đó, một điểm duy nhất, điểm đó thôi, không ở đâu nữa, tự đấy mọi vật thấy đều phỏ bày trước ta với những quy-mô xác-thực.

Ta nói rõ hơn. Tôi ưng biết bao câu nói sau đây của một họa-sĩ: « Corot, đó là một người biết ngồi ».

Tôi cần phải biết ngồi đúng chỗ mà con mắt tôi đòi hỏi do bao nhiêu thể-kỹ định-đoạt, ở chỗ mà tất cả mọi vật đều sẵn sửa theo trình-độ của một người Pháp. Toàn-thể những mối quan-hệ đúng và thực kia giữa những vật nhất định và một người nhất định, người Pháp, đó là chân-lý là chính nghĩa của người Pháp; tìm thấy những quan-hệ kia, đó là đạo lý của người Pháp. Cho nên tinh-thần quốc-gia thực, không đâu khác là ở sự biết rằng có cái chỗ kia, tìm lấy nó và khi đã tới rồi biết cứ đứng nguyên đấy mà nhận lấy nghệ-thuật của ta, chính-trị của ta và tất cả mọi hoạt-động của ta.

Nói đến một nòi-giống Pháp theo nghĩa hẹp thì thực không đúng Chúng ta không phải là một nòi giống, mà là một Quốc-gia; mỗi ngày nó càng thêm rõ-rệt và nếu chúng ta, — những phần tử mà nó bao-hàm —,

chúng ta không biết che chở nó thì chúng ta phải suy-bại, phải tiêu diệt.

Trong bao nhiêu lối tỉ-lệ làm cho ta hiểu một cách hữu hình thế nào là một Quốc-gia, các bạn hãy nghe đây, cách này mà tôi ưng hơn hết: Tôi sẵn sàng so sánh một quốc-gia với những « tảng đá kết » (puddings de pierres) kia thường là nó hợp thành ở những giòng nước chảy, và người ta gọi nó là « kết-nham » (conglomérats) Chặt vữa gắn chặt những đá kia lại với nhau một phần chính là ở đá mòn ra, và cũng do sự vận chuyển của chúng. Khi cái khối đó bị lôi cuốn đi, có những mảnh đá bám vào và gắn chặt vào nó Từng lớp chồng chất lên nhau. Nhưng nếu ở lớp ngoài cùng ta thấy mỗi phần tử còn giữ cá tính của nó, mặc dầu trước những thể lực bên ngoài nó vẫn liên đới với tất cả các lớp và tất cả các phần tử đã dính chặt vào cái lõi ban đầu mà ngày nay bị phủ kín. Sự liên đới đó sinh ra lực chống chọi với những sức mạnh thiên nhiên, Vì dù một mảnh đá rời khỏi kia ra, nó sẽ lăn đi rất nhanh, hao mòn dần và thành ra cát bụi; cho dù nó có dính vào một tảng đá nào khác, thì nó cũng đã suy giảm và tiêu mòn một phần đi rồi.

Theo ý tôi mỗi người ta cũng vậy ai nấy đều bị giàng buộc với tất cả những lớp người tiền bối đã qua do công trình của mọi người và của những kẻ bị hi sinh thừa trước, tựa như mảnh đá bị giàng buộc với toàn khối do chất vữa sinh ra bởi những lớp đá liên tiếp tác dụng mà nên.

MAURICE BARRÈS
(trích trong cuốn Scènes
et Documents du Nationalisme)
(Xem tiếp trang sau)

Một mặt nữa, trong mấy năm ấy, giữa Lỗ-Tấn với bọn thanh-niên Tàu cũng có chỗ ngộ-hội. Chỗ ngộ-hội ấy, một phần trách-nhiệm, có thể nói là tại Lỗ, nhưng một phần lớn cũng phải nhận là trách-nhiệm một bộ phận trong bọn thanh-niên cấp-tiến đã quá nóng nảy với thời-cục và thỏa-mạ hết bao nhiêu phần-tử không đi theo những chủ trương quá khích. Trong lúc ấy một bọn « cực-tả hoạt-đầu » lại lợi dụng cơ-hội mà đưa ra những khẩu-hiệu có lợi cho tính tự ái và danh-giá cá-nhơn chốc lát, hơn là bổ ích vào đại-cục; vào tương lai Trung-quốc. Tư-cách nhà tri-thức và tấm lòng trung-hậu nhà văn-học trong bấy nhiêu năm ấy thiết đã bị nhiên kinh-nghiệm buồn-bã. Có người đã nói « Lỗ-Tấn da-nghì, Lỗ-Tấn hồ-đồ ». Họ đã so-sánh Lỗ-Tấn với M. Gorki. vì rằng cũng như Lỗ, Gorki cũng đã một lúc cảm thấy những mối hoài-nghi tương-tự trong thời kỳ phái đệ-tam và đệ-tứ còn tranh-giành. Bọn thanh-niên không hiểu Lỗ, công kích Lỗ, cho nên đã gây ra cuộc bút chiến kịch-địch giữa Lỗ và « Thái-dương-xã » « Sáng-tạo-xã ». Mặc dầu, Lỗ vẫn không hề vì thế mà đi đến con đường thỏa-hiệp, đấu hàng với bọn quân phiệt, học-phiệt Lỗ vẫn công-kích bọn thân sỹ Bắc-Kinh trong những bài « Tản-văn » rất là sắc sảo, gay gắt, làm cho tinh thần phong kiến ở Tàu một ngày một nhụt hẳn đi. Và chẳng bao lâu lại cứ bắt tay với những phần-tử chân-chính trong « Sáng-Tạo-Xã » mà đi tới mục đích chung.

Ngoài bấy nhiêu bài « tản-văn » trong hồi ấy, Lỗ còn viết mấy bộ như là: « Cổ-sự tân-tiên » (Việc cũ chép theo lối mới) và « Triêu-hoa tịch-thập » (Hoa buổi mai, lượm buổi chiều).

Từ 1932 trở đi, hệ nh lao của Lỗ một ngày một nặng thêm. Nhưng tinh thể quốc-tế cũng như trào lưu chính-trị và tư tưởng ở Tàu, đã gieo vào tâm-hồn Lỗ một ít tia hy-vọng mới. Lỗ lại tiếp tục công cuộc phản-đối tư-tưởng phong-kiến trong những bài phê bình, những bài tạp-văn đăng ở các báo mới mở khắp nước. Các tác-phẩm mấy năm sau này sẽ có những giọng lạc-quan và bạo dạn hẳn lên. Ngoài những văn-dịch đề giới-thiệu văn-ngệ ngoại-quốc cùng đồng-bang, Lỗ còn viết trong bốn năm trước lúc chết mấy bộ:

Hải-yến

Chuân-phong-nguyệt-đim

Nam xang bắc-diệu tập.

Tạp-cảm.

Lỗ chết ở Thượng-Hải ngày 19 Octobre 1936.

D. T. M.

LỖ TẤN LỖ TẤN

HAI QUAN-NIỆM VỀ QUỐC-GIA

II. — Vài tư tưởng của

Rabindranath Tagore

Một Quốc-gia, theo cái nghĩa sự đoàn kết về kinh tế và chính-trị của một dân tộc, là cái trạng huống trùm bọc một toàn thể dân chúng khi-họ tổ chức đề đạt tới một mục-đích cơ giới (but mécanique). Như thế xã hội không có mục đích hậu lai (but ultérieur). Tự ở nó, nó là một cứu cánh. Nó là biểu hiện bản-ngã (expression de soi) tự nhiên của người ta vốn là một động vật quần sinh (être social). Nó là một qui pháp thiên nhiên cho những sự giao-thiệp giữa loài người, làm cho họ có thể phát triển được một quan niệm sinh hoạt hợp tác người nọ với người kia. Nó cũng có một phương diện chính trị, nhưng đó chỉ là theo một mục đích riêng. Là dề tự vệ. Đó chỉ là phương diện cường quyền, không phải là lý tưởng của nhân loại. Thoạt kỳ thủy chỗ của nó trong xã hội cách biệt ra, dành riêng cho hạng người chuyên nghiệp. Nhưng đến khi nhờ khoa học và sự hoàn-thiện của tổ-chức, cường quyền kia bắt đầu khuếch trương và mang lại mùa màng thịnh vượng, nó liền vượt giới hạn của nó một cách mau chóng hãi hùng. Những xã-hội phụ-cật bỗng cùng thấy một nhu-cần tham lam về trù-phủ vật-chất, một mối ghen-tị lẫn nhau nảy nở ra và sự sợ hãi kẻ này kẻ khác phát hiện trong cuộc đương oai diễn-vũ ngày nay. Đã đến lúc người ta không còn ngừng được nữa; sự cạnh tranh trở nên cay-nghiệt hơn, sự tổ-chức trở nên hoành-đại và lòng vị-kỷ lên đến cực điểm. Kỹ nghệ sống nhờ ở lòng tham lam và sự sợ-hãi của loài người mỗi ngày chiếm chỗ càng lớn trong xã-hội kết-cục trở nên sức mạnh thống trị của xã-hội kia.

— Khi mà cái tổ-chức chính-trị và giao-dịch kia, tên khác của nó là Quốc gia, trở nên cực mạnh đến phương-hại cho tính cách điều hòa của cuộc sinh-hoạt xã-hội siêu-dã, đó là một ngày xấu-xa cho nhân-loại. Khi mà một người cha đem ra cờ bạc và bòn phận của ỹ đối với gia đình chỉ chiếm một chỗ phụ-thuộc trong đầu óc ỹ, thì thực không phải là một con người nữa mà là một người máy do quyền hành của lòng tham lam điều khiển. Ỗ có thể làm những việc mà lúc bình thường ỹ phải xấu hổ. Xã hội cũng vậy. Khi nó tự đề biến thành một tổ-chức quyền-thế hoàn thiện, ỹ có những tội ác mà nó không dám làm mãi mãi. Sự thành công là đối-tượng và biện-hệ của một chiếc máy, thế mà chỉ có vẻ đẹp là mục đích và ỹ muốn của loài người. Khi chiếc máy tổ-chức kia đạt tới những quy-mô lớn lao, sáp nhập vào bộ phận của nó tất cả những ai là thợ máy, thì con người có cá tính sẽ bị loại đi cho đến chỉ còn là một bóng ma, rồi chỉ có một cuộc cách-mệnh về chính-trị gây nên do những phần tử nhân-loại của chiếc máy, không một chút lòng thương, hay trách nhiệm về luân-lý nữa.

RABINDRANATH TAGORE

(trích trong cuốn Le Nationalisme
do ông Cecil Georges Bazi e dịch ở tiếng Anh ra)

Đ. Đ. D dịch

ĐƯƠNG IN:

CỔ HỌC TINH HOA

Ôm-Như NGUYỄN-VĂN-NGỌC
và Tỉnh-Trai TRẦN-LÊ-NHÀ

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

XÃ - HỘI VIỆT - NAM

TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẪN dịch

BÀI THỨ HAI MƯƠI

V. — Jean Baptiste TAVERNIER

CHƯƠNG THỨ XIII

Những lễ cử khi các vua Đàng Ngoài đăng quang. — Trước khi nói đến lễ đăng quang của các vua xứ Đàng ngoài và những nghi tiết phụ thuộc vào đấy, ta cũng phải nói một tiếng về cách ngài ra khỏi cung điện để nhân du. Ngài ngự trên một chiếc kiệu lộng lẫy có tám người khiêng, thần dân được tổ trưởng chiêm ngưỡng long nhan; các đình thần và quan chức đi bộ hộ giá khi cuộc du hành ở ngay trong đô thị; nếu long giá đi xa, thì vua ngự voi và các quan cưỡi ngựa theo. Khi Hoàng thái Hậu hoặc Hoàng Hậu ngự du, thì các ngài ngồi kiệu có buồng màn, ở trong nhìn ra thì được, ở ngoài nhìn vào thì khó; kiệu trang hoàng rất đẹp cả trong lẫn ngoài; các bà mệnh phụ và thê nữ đi bộ theo hầu,

Các vương thân và đại thần có lệ ăn lễ sinh nhật mình bằng tiệc tùng, hội hè, chèo hát, đốt pháo bông, và các quyền thuộc bằng hữu đều đến dự cả. Năm 1645, hoàng thái tử có mở yến tiệc ở Trong Cung vào ngày sinh nhật ngài, và đức Vua có ban cho hai nghìn lạng vàng và năm nghìn lạng bạc (tính sang tiền ta là tám mươi hai vạn đồng) để cuộc vui được rực rỡ. Vào những dịp này các ngài hay bố thí cho kẻ nghèo

Khi đức Vua thăng hà, thì đình thần tâu ông hoàng nào, được vua chọn và nói cho biết, lên ngôi. Hôm tam nhật, chúa Trịnh cùng các võ quan, Nội các viện, các quan đô tổng binh, thừa chính sứ đến tư thất Tân Vương, dâng áo bào để ngài mặc, rồi rước ngài lên mình voi đến chính điện đã phủ vóc vàng và vóc bạc, Tân Vương ngự lên, ngài các quan đều phủ phục rồi đứng dậy cúi đầu (vái ngài), giờ hai bàn tay chấp liền lên gối và tuyên thệ trung

thành với ngài. Đức vua ban cho mỗi vị bốn lạng (?) vàng và sáu lạng bạc, chúa Trịnh được hai mươi lạng vàng và bốn mươi lạng (?) bạc. Quan đứng đầu Nội các được mười lạng vàng (?) và hai mươi lạng (?) bạc

Xong rồi thì bắn ba loạt thần công đặt chung quanh thành và ba loạt súng trường đặt trong một cánh gần đấy (có ba vạn linh cả bộ lẫn kỵ).

Tân Vương liền ngự kiệu; chúa Trịnh và quan tổng lý Nội các cưỡi ngựa đi đầu. Kiệu có tám quan triều thần (?) và tám quan trong Nội các (?) khiêng vào nội cung. Các Vương phi, công chúa, các mệnh phụ đến lạy chào! Xong rồi các quan vào dự tiệc yến...

Tiệc yến vẫn đến tuồng hát, đốt pháo bông suốt đêm.

Sáng hôm sau, ba vạn linh hôm trước vẫn lễ tưng ở chỗ cũ rất chỉnh tề, các võ quan từ các đạo đều về kinh đông đủ. Tân Vương ngự kiệu mười sáu người khiêng, có chúa Trịnh và quan Nội các tổng lý cưỡi ngựa đi dẫn đầu, ra khỏi cung, theo sau có nhiều võ quan đi bộ. Kèm với kiệu, có bọn con hát múa chung quanh có phường bát âm thổi sáo, thổi kèn, đánh trống âm ỹ, vang giời. Ra đến chỗ dàn binh, Tân Vương bước xuống kiệu và ngự lên trên một thớt voi trận đã dàn với tiếng súng và pháo thăng thiên. Vì khi Vua đến và lúc Vua về, ba vạn linh bắn ba loạt súng và đốt pháo bông (? jeter des lances à feu): nếu phải voi rất thì voi đã sông ra và làm nguy hại đến mình rồng. Tân Vương ngự voi ra giữa ba quân và các võ tướng ra tuyên thệ Ngài ban cho chủ tướng mỗi người hai lạng vàng, bốn lạng bạc; phó tướng mỗi người một lạng vàng và hai lạng bạc; cho mỗi võ quan tùy huộc một lạng bạc và nửa lạng vàng. Linh mỗi người được thưởng hai tháng lương. Việc ban thưởng rất nhanh

chóng vì vệ nào quân ấy đã có quan coi lương đem gạo tiền sẵn. Nhận thưởng rồi thì quân lính bắn súng đoan rút về trại đã dựng sẵn. ăn uống suốt ngày đêm. Đức Vua cũng đến ngự tại một tòa lầu bằng gỗ sơn son thếp vàng dựng trong cánh đồng ấy. Ngài ngự đêm ở đây, trước yến tiệc, sau xem chèo hát, pháo thăng thiên và con bát vui ca nhầy múa.

Hôm sau thì Tàn vương ngự voi về thành: quân lính châm lửa đốt tòa lầu đài bằng gỗ này và các trại binh.

Về đến cung, ngài ra ngự ngai và ban thưởng cho những thợ đã chế ra pháo bông, bọn ca vũ và tất cả những người đã tổ chức nên các cuộc vui tối hôm trước và đã làm cho ngày hội ấy được linh đình. Rồi ngài cho phép chúng dân và hai đại biểu phường buôn và phường thợ vào bệ kiến. Hai người đọc chúc từ và thay mặt dân sự Kể chợ nguyện trung thành với ngài: vua ban thưởng cho phường buôn năm mươi lạng vàng và ba trăm lạng bạc, phường thợ hai mươi lạng vàng và một trăm lạng bạc. Dân sự ra về tha hồ mà mở tiệc ăn uống mở hội chèo hát bỏ thêm tiền riêng ra để giải trí trong hơn một tuần.

Vài bữa sau thì có các đoàn đại biểu các thôn xã ở xa đến kính mừng vua và tuyên bố trung thành với ngài: những tỉnh nào xưa nay vẫn một lòng với nhà Lê hi được xá thuế một năm; còn những nơi đã hưởng ứng với loạn thần chỉ được giảm có sáu tháng. Bọn tù nọ cũng được vua điều đình với bọn chủ nợ và giảm cho có khi một nửa số tiền nợ.

Số súc vật bị đem giết để cúng tế nhiều vô kể. Số tiền vua phát ra để mua vải vóc dùng trong việc thờ cúng, để mặc cho các tượng thần, vải màu da cam để phát cho các sãi cũng hàng vạn. Ngài phát rất nhiều tấm vải xanh mầu lục cho những kẻ nghèo khổ đã đến ở nhờ các chùa cũng như những người cùng khổ đến ta đến ở nhờ các đường đường. Chính đức vua trong tuần thứ nhất này cũng đến ở chùa, sống kham khổ và đi thăm các người nghèo khổ trong các chùa khác và bố thí cho họ: hết tuần đầu ngài sai dựng một ngôi chùa tại một chỗ ngài đã chọn.

Đầu tuần thứ hai thì ngài cưỡi voi trận, có các võ quan ở triều và một vạn hai nghìn người

lính đã tuyển lựa riêng đi hộ giá, ngự đến một cánh đồng rộng, tại đây đã lập sẵn ba tòa lầu: một tòa cho vua, một tòa cho chúa, và một tòa cho quan đứng đầu Nội các và vô số nhà nhỏ cho các người tùy giá. Lại còn nhiều lầu chỉ lợp có một bên mái và che có một bên vách; tùy heo gió mới đặt phen che để làm bếp; vì chính những nơi này là nhà bếp mọi ngày hai lần nấu ăn cho số đông ấy. — Ba tòa lầu dựng trên bờ sông đến khúc này rộng ra: trên mặt sông đã sắp sẵn nhiều thuyền sơn son thếp vàng rực rỡ; có một chiếc « thủy sư » vừa lớn vừa đẹp hơn cả. Chiếc nào cũng vậy: mũi, lái cột, chèo (đến chỗ chèo xuống nước) đều thếp vàng; các ghế ngồi đều sơn sạch sẽ; bọn bơi thuyền đều ăn vận tử tế: vì bọn này đều là binh lính hoặc thường dân, được tự do chớ không như bên ta bọn chèo thuyền chiến là bọn nô lệ hoặc chịu án khổ sai. Bọn bơi thuyền đang ngoài đi lính và học nghề bơi thuyền từ thuở trẻ như bất cứ học một nghề nào khác; lại được trả lương lợi hơn bộ binh một chút.

Các thuyền này không rộng như thuyền ta, nhưng dài hơn và rẽ nước tốt hơn. Trong bảy hôm vua ngự ở đây, ngài xem các cuộc thủy chiến (?) các cuộc bơi chải: thuyền nào bơi hơn các thuyền khác thì được thưởng chiến đến các thuyền trưởng và thuộc hạ lên nhận thưởng: thuyền nào đã bơi giỏi được ngài ban tiền. Hết tuần thứ hai này, trước khi ngự về cung, tàn vương ban cho thủy binh hai tháng lương, cũng như ngài đã ban cho bộ binh hai tháng lương hôm đăng quang). Em tôi đã được chứng kiến các cuộc vui này và bảo số pháo bông nổ trên mặt đất, mặt sông trong bảy tối ấy nhiều vô hạn, phủ khắp mặt sông, làm vang động cả vùng giới, và cho hẳn có cảm tưởng rằng cả miền sông ấy bị cháy.

Hết tuần ngài ngự về cung; tuy giá cũng theo thứ tự như lúc đi; ngài ngự vào nội cung chỉ có các quan thị đi theo, yến ẩm với các phi tần đến hết tháng: đêm nào cũng đốt pháo bông trước các cung điện của các bà phi, các quan thị cũng nhập bọn với phường hát, phường múa để làm trò cho vui.

Đấy lễ đăng quang một tàn vương ở Đông phương như vậy. Không phải là lễ hội mỹ như ở bên ta: ở Đàng ngoài người ta không đặt mũ lên đầu tàn quân.

CHƯƠNG THỨ XIV

Tang lễ một ông vua Đàng ngoài. — Khi vua thắng hà thì người ta đem ướp tử thi ngài ngay và đặt lên long sàng. Trong sáu mươi nhăm ngày dân chúng được phép vào chiêm ngưỡng. Vẫn hầu hạ, dâng cơm như khi ngài còn sống; cơm cúng xong thì một nửa đem biếu các sư và một nửa đem bố thí cho người nghèo đói.

Khi ngài vừa tắt ughỉ thì chúa Trịnh báo tin ngay cho các quan đầu các đạo và định thời hạn đề tang là bao lâu: thường thường thì quan võ và quan án ba năm; tôn thất sáu tháng; triều thần sáu tháng và dân sự ba tháng. Trong ba năm đề tang vua, bỏ hết các cuộc vui trừ lễ dâng quang tân quân.

Những món ăn dâng vua mới đều đựng trong đĩa phủ sơn đen; yua gạo đầu và đội mũ gai. Các hoàng thân và bốn mươi quan Đại-thần cũng đề tang như vậy đến khi nào rước linh cữu xuống thuyền đem đi an táng một nơi đã định mới thôi: ba quả chuông đặt trên một ngọn tháp cũng đánh mãi đến khi linh cữu rước xuống thuyền.

Hôm tam nhật, các quan mới được vào làm ai diếu tiên vương; và từ hôm thứ mười (dix jours après seulement), giỗ đi dân sự mới được vào chiêm bái.

Trong thời hạn sáu mươi nhăm ngày này, chúa Trịnh sửa soạn tang lễ: vì lễ càng rục rỡ bao nhiêu chúa càng được liếng bấy nhiêu.

Từ cung ra đến bến đậu thuyền chở linh cữu, đi mất hai ngày đường và đường che vải tím là màu của vua. Nhưng cũng còn đường này đám tang đi về mất những mười sáu ngày. Cứ cách một phần tư dặm lại có dựng một cái quán có chứa nước uống và dựng bếp để hút thuốc. Lúc vua mới trở về thì số vải nói trên được cuộn lại và đem về phân phát cho các nhà sư.

Đám tang đi theo thứ tự như sau này: Hai người đi đầu là cấm binh vẫn canh gác cửa cung hai tay cầm hai cái trùy; trùy chứa đầy pháo bông; đi trước hô lên vua lên. Mười hai người đi sau là mười hai người đầu trong bọn thủy binh kéo linh xa trên có viết tên tiên vương. Rồi đến một đoàn mười hai con voi: bốn con đầu, có bốn người cưỡi tay cầm cờ của vua; bốn con sau có đóng bành: mỗi con mang sáu người vác súng hoặc cầm hỏa thương (?)

lance à feu), bốn con cuối mang bốn cái hòm: hai hòm đầu thì bịt kín mặt đàng trước và hai bên đều lồng kính; hai hai hòm sau thì có sáu mặt và bịt lưới thép hoặc cửa kín.

Tiếp vào đây là một quan « đại tư mã » cưỡi ngựa, theo sau có hai quan hầu cũng ngồi ngựa. Liên đây có sáu cặp ngựa không người cưỡi, nhưng mỗi con có một quan vệ úy kèm giữ. Sáu con ngựa đầu yên cương rất quý giá, hòm thiết và các vật dụng kim khí ở yên cương đều bằng vàng, yên thêu chỉ vàng; sáu con sau yên cương cũng nạm vàng.

Đoạn thứ năm là xe linh cữu vua có tám con hươu đã luyện thuần thực kéo; mỗi con có một quan vệ úy đi kèm giữ. Tàn vương đi theo sau linh cữu, bận sa tanh trắng, đầu đội mũ rơm; các vương đệ cũng vậy. Chung quanh có phường bát âm.

Sau các vương tử là các phi tần, công chúa bận sa tanh trắng, có các mệnh phụ thê nữ theo hầu bận mẫu tím. Chung quanh lại có phường bát âm.

Rồi đến các thân vương mặc áo tím, mũ rơm; bốn quan tổng trấn vai vác gậy quảng một cái túi vàng là tiền các trấn đem về dâng tiến để tiêu dụng dưới hoàng tuyền.

Theo sau còn hai chiếc xe, mỗi xe tám ngựa kéo; trên mỗi xe có một hòm đầy vàng bạc, và đồ quý giá để tiến để đem sang chi dùng thợ giới bên kia.

Đi đoạn hậu là văn võ bách quan, một phần cưỡi ngựa, tùy theo chức phẩm.

Linh cữu ra đến bến Bồ đề thì kiêng xuống thuyền có sáu quan thái giám đi hộ tống, chỗ đến chôn tại một nơi rất kín. Các quan thái giám phải thề là giữ kín không cho ai biết chỗ lăng vua: một lẽ vì sợ có kẻ đến đào trộm lấy bạc vàng giấu vóc chôn theo nhiều lắm nói là để tiến để dùng.

NGUYỄN-TRỌNG PHẤN

SẼ XUẤT BẢN:

Ả Q CHÍNH TRUYỆN

của LỖ-TẤN, ĐẶNG-THÁI-MAI dịch

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

NGHỆ THUẬT HÁT CỦA ĐÀO NƯƠNG

TUY rằng vẫn hát « hơi thật » nhưng thỉnh thoảng đào nương lại ghé sang một chút « hơi mé » để làm tươi giọng hát lên, hay lại ghé sang một chút « hơi ngực » để ủ giọng hát lại.

Hát bằng một hơi mà biết ghé sang hơi khác là điều rất quan hệ trong nghề sường ca bất cứ ở lối ca hát nào. Tiếng hát vì vậy sẽ biến đổi được nhiều màu.

Không những là chỉ hát bằng hơi nọ rồi ghé sang hơi kia, nhiều khi đào nương lại sang hẳn hơi khác, như đương hát « hơi thật » sang « hơi mé » chẳng hạn.

Chuyển hơi mà không gián đoạn mới gọi là biết hát. Người nghe phải có cảm giác như đưa sang một thế-giới khác lúc nào không biết.

Cũng như khi đào nương chuyển hơi trong ra « hơi ngoài », « hơi ngoài » vào « hơi trong »; người nghe phải không nhận được tiếng hát đục lại hay trong ra lúc nào

Dần dần đục đục lại hay trong trong ra cũng như khi đi từ bụi nọ sang bụi kia đào nương phải ngân-ngã một cách rất mềm-mại, thật từ từ lên hay từ từ xuống.

Hát hay thì lên cao không bao giờ hụt, xuống thấp không bao giờ đuối: ngân nga thì biết biến đổi sức mạnh của luồng hơi, biết thỉnh thoảng láy lêu hay láy xuống — trong nhà nghề gọi là « đồ con kiến » khi tiếng ngân láy đều và nhanh.

Biết dùng hơi đã đành, một đào nương hát hay còn phải biết dùng những nguyên âm ngoài đề pha vào các nguyên âm chính của những chữ trong câu hát.

Một chữ nói như thế nào mà hát cũng như thế thì sống sượng — chứ người trung và nam khi nói thường cũng đã pha nguyên âm rồi, một nghệ nữa khiến tiếng nói người trung nam nghe rất thích tai.

Nếu không pha nguyên âm thì chẳng hạn âm « u » sẽ rỗng, âm « i » nhọn, âm « a » loảng âm « e » dẹt, cho nên chúng ta chẳng nên lấy làm lạ khi thấy đào nương hát chữ « che » ra «chie » chữ « nguyệt » ra « nguyôét » v. v. hát một chữ như thế trong nhà nghề gọi là bắt trỏ chữ và những khi một chữ như chữ « ngân » mà lại kéo dài là « nga »... « ần ừ » thì gọi là lắt « chêng » — cho đến cả tiếng ngân « ư » nhiều khi đào nương lại ngân là « ưy » hay là « ươ ».

Bắt vào một câu, đào nương có khi ngân nga lâu hay ngân đề lấy đà đã, (một tí-dụ lấy đà là khi ngân sa-mạc bằng mạc), và cũng có khi không ngân nga gì cả, khi đó gọi là « bắt chột ».

Trong một câu, đào nương thường dùng âm « ư » nối các chữ lại chẳng hạn như câu « hồng hồng tuyết tuyết » thì hát : « haông ư haông ư tuyết ư tuyết ư ».

Cuối câu đào nương thường thường ngân nga giải thêm ra những thỉnh thoảng lại « buông » chữ cuối câu bằng « hơi ngoài » mà không ngân.

Đọc đến đây chắc các bạn nhận thấy rằng : Ghé hơi, chuyển hơi, đổi bụi, pha nguyên âm là tất cả nghệ thuật hát của đào nương.

Và hát được hay thì không những là tốt giọng mà còn phải có nhiều bản năng về âm nhạc và phải thông minh nữa.

Thông minh và giàu bản năng về âm nhạc để biết được những tiếng nào nên ghé « hơi mé » những tiếng nào nên ghé « hơi ngực » ; những đoạn nào nên dùng « hơi trong » nhiều hay « hơi ngoài » nhiều ; để biết được phải ngân nga lâu, ngắn, mạnh, nhẹ, thế nào trong khi đổi bụi ; để biết được chữ nào nên pha những nguyên âm nào v. v.

Trước sự thông minh vô hạn khiếu thẩm âm vô biên của người ta, trước sự đẹp tuyệt đối mà chúng ta muốn vươn tới, kẻ cầm bút viết mục này chỉ giám phác qua cái đại cương về nghệ thuật hát của đào nương thôi.

Mong rằng những bạn yêu nghề sẽ dựa vào những điều nhận xét trên kia mà quan sát thêm khi có dịp, riêng từng người từng vùng để một ngày kia có thể đi tới sự hợp nhất cho cái hay của lối hát Ầ-ĐÀO này. Một công truyện mà chúng tôi sẽ có dịp bàn tới sau này.

NGUYỄN-XUÂN-KHOÁ

SẼ XUẤT BẢN :

LA SƠN PHU TỬ

của HOẢNG-XUÂN HẪN

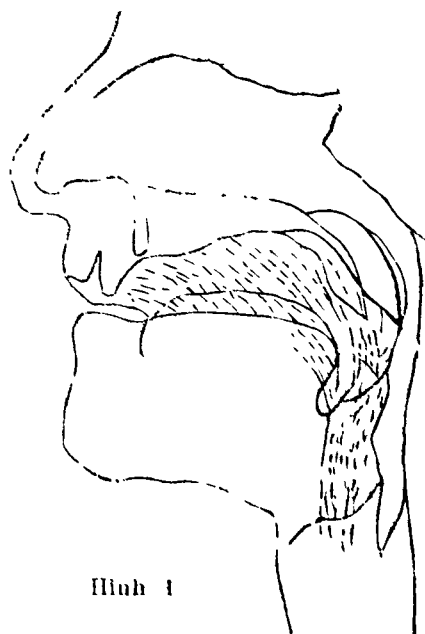
THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

CẢI CHÍNH

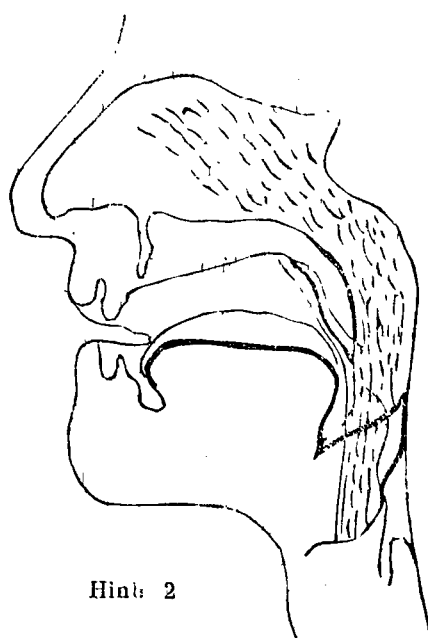
Trong bài Tiếng hát của Đào nương...

Ở mục «Phần chính và phần phụ họa», câu: phần phụ họa là những tiếng tơ (corde) mà phần chính là những tiếng trúc (bois ou cuivres).. xin đọc là: phần phụ họa là những tiếng «huyền» (cordes) mà phần chính là những tiếng «quản» (bois ou cuivres).

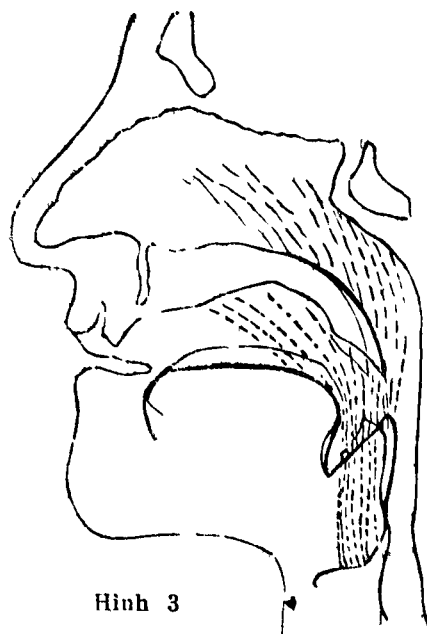
Đây là ba hình I, II, III, bỏ sót ở mục «Cách phát âm»:



Hình 1



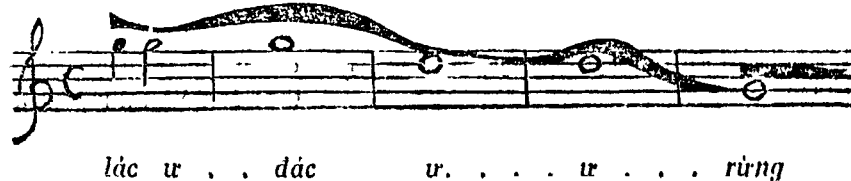
Hình 2



Hình 3



Ở mục «Ảnh hưởng của từ ngữ» những tỉ dụ xin xếp rành mạch như sau này:



LUÔN hai kỳ báo *Trung-bắc chủ nhật* ông Vũ Bằng có biên bác về một hai điều tôi nói trong khi diễn thuyết ở hội Quảng-trí (Huế) về nhân vật Từ Hải (1).

Trong bài diễn-thuyết ấy tôi có dẫn những lời Kiều nói với Hồ tôn Hiến sau khi Từ Hải chết:

Rằng: Từ là đáng anh hùng,

Đọc ngang giới rộng, vẫy vùng bể khơi.
vân vân...

và tôi có nói: «Ta hãy nghĩ rằng những lời ca tụng Từ Hải đó nàng nói trước mặt một kẻ tử thù của Từ Hải ta sẽ hiểu nàng kính phục Từ Hải đến bậc nào»

Điều đó ông Vũ chắc cũng nghĩ như tôi. Song ông còn nghĩ rằng ca tụng Từ Hải trước mặt Hồ tôn Hiến tức là ngụ ý thỏa mạ Hồ tôn Hiến. Ông viết: «Theo tôi thì trong suốt một cuộc đời phong nhã hào hoa của cô Kiều, tôi chỉ thấy cô mặt sát tận mặt có một người mà người đó là Hồ tôn Hiến». Ông Vũ đã quên những lời Kiều mắng Sở Khanh. Nhưng điều đó chẳng hề chi. Hãy đọc nốt đoạn văn của ông Vũ: «Chỉ một việc ca tụng Từ Hải ở trước mặt Hồ tôn Hiến như thế cũng đã mắng tận nhân Hồ rồi, làm nhục đến cùng cực Hồ rồi. Thế mà đã đủ đâu. Kiều còn giận, và nói tiếp: «Từ Hải là một người tri dũng có thừa, cứ dằng thẳng ra thì khó mà đã có ai hạ nổi Sở dĩ mà hôm nay xảy ra cơ sự này ấy chỉ là bởi vì các ngài thúc thủ đã phải mượn đến một người đàn bà là tôi làm nội ứng. Tôi khuyên Từ Hải ra hàng là vì lòng thành thực — ngờ là phu quý phụ vinh — không ngờ các ngài lại xử khốn nạn, đi lừa tôi và phục binh giết Từ Hải một cách man di ám muội.»

Khi không, gán cho Kiều những lời này cũng lạ thật! Nhưng đại ý ông Vũ muốn nói Kiều đã thỏa mạ Hồ tôn Hiến một cách kín đáo, đã mắng khéo Hồ tôn Hiến vậy.

Có quả thế không? Kiều có mắng Hồ tôn Hiến không? câu nói tựa hồ viên vông. Trong Đoạn-trường tân-thanh, Kiều cùng Hồ tôn Hiến chỉ là những nhân vật tiểu-thuyết, những người do trí tưởng-tượng người ta tạo ra. Kiều mắng Hồ tôn Hiến hay không mắng thì có làm gì? Câu hỏi kia, tuy thế vẫn có ý nghĩa của nó. Vì xét tâm lý những người trong chuyện, chính là để hiểu tâm lý những người ngoài chuyện những người thực, là bọn chúng ta.

Từ Hải vì quá tin Kiều mà chết oan. Lẽ ra Kiều phải tìm cách trả thù cho Từ Hải. Không nữa, đã bị bắt vào trước trung quân, lẽ ra nàng phải ném một cái gì vào mặt Hồ tôn Hiến cho hả giận. Như

(1) Bài diễn-thuyết này có đăng *Thanh-Nghị* số 36 ra ngày 1er mai 1943.

KIỀU CÓ MẶT

thế không thể được, lẽ ra nàng cũng phải mắng tàn tệ kẻ đã dùng thủ đoạn bèn nhát để làm hại một người vừa là chồng, vừa là ân nhân, vừa là tri kỷ của nàng. Thế mới phải chứ.

Nhưng không. Chẳng những nàng không trả thù Từ Hải, không sỉ nhục Hồ tôn Hiến, nàng cũng không có một lời oán trách Hồ tôn Hiến nữa. Nàng Kiều của Thanh-âm tài-nhân còn nói: «Từ Hải còn quá tin lời phũ gia đến nỗi bại vong...» Nàng Kiều của Nguyễn Du chỉ quy tội cho mình:

Tin tôi nên quá nghe lời,

Đem thân bách chiến làm tôi triều đình.

Rõ ràng Nguyễn Du không muốn nàng oán-trách Hồ tôn Hiến chớ đừng nói là thỏa mạ. Giả nàng muốn thỏa mạ Hồ tôn Hiến ắt nàng chẳng phải nói quanh co nói xa xôi nàng sẽ nói thẳng những lời ông Vũ đã gán cho nàng trên kia và nỗi lòng oán hận nàng sẽ chẳng phải chờ đến hơn một trăm năm sau mới có người nói hộ. Bao nhiêu mộng tưởng của nàng đã tan nát cả rồi, cái ý tự sát nàng cũng đã định rồi, nàng còn sợ gì mà không dám nói thẳng. Ngày trước bị Sở Khanh gạt, nàng có dè dặt thế đâu:

Nàng rằng: «Trời nhẽ có hay!

Quyến oanh rủ rỉ nói sự này tại ai?

Đem người đẩy xuống giếng khơi,

Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay!

Còn tiên tích viết ở đây.

Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai?»

Vừa bị Tú-Bà đánh một trận bán sống bán chết, cứ tình cảnh nàng lúc đó chẳng nên dè dặt hơn hay sao. Thế mà nàng vẫn chẳng kiềng nề gì. Xem thế thì lần này sở dĩ nàng không nói thẳng vào mặt Hồ tôn Hiến ắt không phải vì nàng muốn mỉa mai Hồ tôn Hiến hay muốn mắng khéo Hồ tôn Hiến. Quả thực nàng không định tâm mắng Hồ tôn Hiến.

Thái độ nàng Kiều lúc này kể cũng đáng cho ta ngạc nhiên. Nhưng nghĩ kỹ ta sẽ thấy Nguyễn Du không thể để Kiều làm hại hay làm nhục Hồ tôn Hiến. Hồ tôn Hiến là người đại diện với triều đình nghĩa là đại diện một mối quyền bất khả xâm phạm. Kiều mà làm hại hay làm nhục Hồ ấy là cả cái đại nghĩa tôn quân lay đổ. Một cuộc cách mệnh như thế làm sao có thể nảy ra trong trí Nguyễn Du một nhà Nho thời trước? Ông Vũ cải: «Nếu vua không minh, quan không chính thì chính nhà nho lại càng mặt sát nhiều.» Nghĩa là theo ông Vũ thì mặc dầu Nguyễn Du không quên

SÁT HỒ TÔN HIẾN KHÔNG?

HOÀI THANH

cái nghĩa tôn quân, Kiều vẫn có thể mặt sát Hồ tôn Hiến. Nhưng ai bảo với ông Vũ rằng trong Đoạn-trường tân-thanh, vua Gia-tĩnh là một ông vua không minh. Chính Kiều đã nói:

Rằng: «trong thánh trạch dồi dào,

Tươi ra đã khắp thắm vào đã sâu.

Bình thành công đức bấy lâu,

Ai ai cũng đội trên đầu biết bao...»

Một vì vua có đức lớn như thế đã hạ chỉ đặc sai và thân hành đẩy xe cho một viên đại tướng ấy trong tri nhà viết chuyện hẳn không thể liệt vào phưong tham quan c lại. Huống chi Nguyễn Du cũng đã giới thiệu Hồ với những lời hết sức khen ngợi:

Có quan Tổng-dốc trong thần,

Là Hồ tôn Hiến kinh luân gồm tại.

Nguyễn Du đã vẽ ra một ông vua như thế, một ông quan như thế, lẽ tất nhiên không thể để nàng Kiều thỏa mạ người đại diện triều đình được.

Tuy vậy cái nghĩa tôn quân không, đủ để cái nghĩa thái độ nàng Kiều. Nếu chỉ vì một nghĩa tôn quân mà Kiều không dám phạm đến Hồ tôn Hiến thì cái việc trả thù chồng dẫu không thể thực hành được ít nhất Kiều cũng phải nghĩ đến chứ. Đàng này, tuyệt nhiên nàng không nghĩ đến. Nhưng xưa nay nàng vẫn thế. Có bao giờ nàng tìm cách làm hại hay làm nhục ai đâu. Ngay Sở Khanh, nếu không dẫn mặt mo đến và nếu không muốn thị hù ra tay chắc cũng không bị nàng mắng. Hãy xem hồi còn nhỏ gặp cơn gia biến không hề nghĩ đến việc trả thù cha bằng cách hạ thẳng bán tơ, nàng chỉ cam tâm chịu khổ. Đến khi bị bọn Tú-Bà, Mã-giám sinh vẩn vẩn làm khổ nàng cũng không nghĩ đến việc trả thù. Chẳng quả gặp thời có thể trị tội bọn ấy thì nàng cứ trị. Nhưng đó chỉ là đạo trời báo phục. Muốn sự trả trời cả. Trước khi ra tay, nàng đã nói:

Lòng lòng trời cao:

Hại nhân nhân hại sự nào tại là.

Phải, có tại nàng đau. Nàng chỉ là tay sai của số mệnh.

Bây giờ số mệnh đã xui nàng tin người đến nói giết chồng, nàng cũng đành vậy. Cho nên mặc dầu đối với Từ-Hải nàng rất kính phục, rất xót thương nàng chẳng hề nghĩ cách làm hại hay làm nhục Hồ-tôn-Hiến. Trong ý nàng, viên tổng-dốc kia chẳng qua chỉ là số-mệnh hiện thân ra một lần nữa trên đường đời nàng, cái số mệnh cay nghiệt

hơn mười năm nay luôn luôn hành hạ nàng, luôn luôn đẩy nghiêng nàng vì:

Đã cho lấy chữ hồng nhan

ắt phải

Làm cho cho hại, cho tàn, cho cần

Cái hình ảnh mà xui, cái thái độ của nàng Kiều trong đoạn Hồ-tôn-Hiến thực có chỗ đáng trách. Những lời nàng ca tụng Từ-Hải chưa đủ để giải oan cho vong hồn người, dưng sở dĩ đặt Việt-dòng ở trong thái độ ấy hợp với tâm lý xưa nay của nàng. Huống chi lúc này nàng đã đau khổ nhiều lắm rồi, nàng đã chán nản lắm rồi, đời nàng đã tàn tạ nàng không thể có nghị lực nào gì nữa. Hình ảnh khốn khổ của nàng rất đáng thương, sự lệ thành thực của nàng rất đáng kính. Dầu sao giữ thái độ ấy cũng còn hơn là đã không trả thù Từ-Hải lại còn nói xa xôi nói quanh co để mắng khéo Hồ-tôn-Hiến. Đành rằng đó cũng là thói thường chúng ta bây giờ. Những khi bị tay trước kẻ có quyền, chúng ta sẽ nói một mớ lời, nói «xóm một chữ» và chúng ta lấy thế làm hiềm làm lị. Nhưng cái tâm lý ấy lại có gốc được thì mới mong hiểu người xưa. Còn như buột mồm Kiều cái ý muốn trách Hồ-tôn-Hiến thật là trong câu:

Ngô là phu quý phụ vinh

Ai ngờ một phút tan lành thit xương

cũng bắt nàng phải dùng chữ công trong câu:

Xét mình công lý tội nhiều

để lấy lại chữ công của Hồ-tôn-Hiến và để mỉa mai Hồ dùng chữ không đúng, như ông Vũ, thì thực oan cho nàng quá. Hồ-tôn-Hiến còn có thể hiểu được những lời thơ than đau đớn cùng cực tình thành thực của nàng mà không bắt lỗi bất lễ gì, chính Hồ không hề thấy mình bị thỏa mạ, sao ta lại cứ nhất định cho những lời nàng nói kia là những lời thỏa mạ? Về hai câu:

Ngô là phu quý phụ vinh

Ai ngờ một phút tan lành thit xương

Tân-đà có chua: «Hai câu này nói tự nhiên mà cũng đáng thẹn cho người khác» Ông Vũ dẫn lời Tân-đà để bác ý kiến tôi và để chứng rằng Kiều có thỏa mạ Hồ-tôn-Hiến. Sao ông không thấy Tân-đà cũng nhận rằng đó là một lời nói tự nhiên nghĩa là không ngụ ý mỉa mai gì hết.

HOÀI THANH

(1) Vương Thúy Kiều chú giải, tân truyện - Tân Đà Nguyễn khắc Hiếu Tân dân xuất bản.

MỘT CHU'ONG-TRÌNH DẠY TRONG các lớp học bình dân

VŨ BÌNH HÒE

ĐÂY không phải là một bản chương-trình đầy đủ đáp theo một lý tưởng giáo-dục hoàn toàn để thực hành trong một tình-thế có hết những điều kiện thuận lợi. Bản chương-trình nhỏ-mọn và giản-uớc này thảo ra là để áp dụng cho một tình-thế riêng và bằng những phương-tiện hẹp-hoài. Tình-thế một xứ mà nền sơ-học (hay ít ra một nền sơ-học yếu-lược) chưa được đặt thành nền học bắt buộc. Phương-tiện là những cố gắng không công của một nhóm tư nhân tức là hội T. B. H. Q. N. (1).

A. — Quan-niệm và nguyên-tắc

a) *Sự quan-hệ của lớp « Cao-đẳng »*. — Những lớp học của hội T. B. H. Q. N. chia làm hai bậc, bậc dưới vẫn quen gọi là lớp « sơ-đẳng », dạy cho biết đọc biết viết và lớp trên gọi là lớp « cao-đẳng », dạy cho những người đã biết đọc và viết chữ quốc-ngữ.

Lớp « sơ-đẳng » là lớp truyền bá chữ quốc ngữ, mà lớp « cao-đẳng » là lớp theo đuổi một mục-dịch giáo-dục. Khoản thứ nhất trong điều-lệ của hội nói rằng: H. T. B. H. Q. N. có mục đích truyền bá chữ quốc ngữ, bằng cách dạy cho người Việt-Nam biết đọc, biết viết và bằng cách giúp họ thậi thái những kiến văn thường thức cần cho cuộc sống mới.

Vậy bằng lớp « sơ-đẳng », hội ban cho dân nghèo một lợi khí: chữ quốc ngữ; bằng lớp « cao-đẳng », hội dạy cho họ đại khái cách dùng cái lợi khí ấy. Lớp « cao-đẳng » nghiêm-nhiên có một quan-trọng đặc-biệt, nó thành ra những lớp « học tập » của phái bình dân. Đó là lớp « học tập » thì phải có một chương-trình và theo một phương-pháp.

Cứ kể hội T. B. H. Q. N. chỉ cần chuyên sự hoạt động vào việc « truyền bá học quốc ngữ » cũng đã làm được một việc có ích rồi trong phạm vi tài lực của một hội thiện. Nhưng nếu hội lại còn muốn làm một việc hữu ích nữa và khó khăn hơn là « mở mang trí óc » của dân nghèo để huấn

luyện họ một đôi phần trong đời sống mới, thì tức là hội đã can đảm đương một trách-nhiệm lớn-lao là thực hiện một phần công cuộc giáo-dục bình dân.

Đó là một vấn-đề chuyên môn, cần phải có một quan-niệm và những nguyên tắc sư phạm chắc chắn.

b) *Cần phải có một chương-trình và một phương-pháp riêng*, thích hợp với tình thế hiện thời của tinh thần dân chúng, thích hợp với tình cảnh và tri thức phái bình dân và thích-hợp với phương-tiện hành động hiện có.

— Trước hết tinh-thần dân chúng là một tinh-thần lạc lõng vì mất những nền-nếp đạo đức, — cố lậu vì những hủ tục, dị đoan, — u tối vì không được hưởng một tí học-vấn nào. Gọi một vài đức tốt (làm thiện, yêu nước) rơi chút ánh sáng khoa học trong tinh-thần dân chúng, đó là mục đích giáo-dục, nhưng lối dạy phải rất *giản dị, cụ thể, làm rung động thị giác và cảm giác* hơn là bắt làm việc cái lý-trí của những người chất phác ấy.

— Học-trò của mình đây là những người p ải vật lộn khó nhọc hằng ngày về việc sinh sống; không những họ ít thì giờ nhàn rỗi để nghĩ đến việc học mà những lo âu về sinh kế lại choáng hết tâm trí họ khiến không thấy sự học là cần cho họ và con cháu họ.

— Học-trò đã không sẵn chí ham học, người dạy lại không có quyền gì bắt họ phải theo học. Không được dựa vào một điều luật nào (một điều luật lập nên sơ-học yếu-lược bó buộc chẳng hạn) không thể đặt một kỷ luật nghiêm khắc trong việc học khi còn phải cõ động riết cho có học-trò, không thể hấp dẫn người học bằng một thứ lợi rấ: mạnh là « bằng cấp » để kiếm việc làm, ta đã thấy tất cả sự khó khăn trong việc lập một chương-trình dạy hợp với tình thế ấy.

Ta phải bỏ hết những môn và những phần có tính cách thuần lý, có giá trị mở mang trí-thức nhưng không có sự lợi tức *khắc trong đời sống hằng ngày*. Phương pháp dạy cũng phải xoay vào

(1) Bản Chương-trình này thảo ra là do ban Giáo-khoa hội T. B. H. Q. N. ấy thức.

chiều ấy và lại còn phải vui vẻ để gọi sự dễ chịu cho người nghe tâm trí đơn giản mà lại thường bị mệt nhọc vì những lo âu. Giờ học, thành ra, đối với họ là giờ giải-trí: thật là một điều trái ngược nhưng đúng với sự thực. *Lợi và vui*: hai phương châm ấy phải thoá, trong việc lập một chương-trình cho phái bình dân trong tình-thế hiện thời. Kể thực ra, đó là một quan-niệm giáo-dục hẹp-hòi, nhưng ai đã xét đến thực tế sẽ phải công nhận không thể làm hơn được.

c) Phải chia bậc «cao-đẳng» làm hai ngành phân biệt hẳn: một ngành cho trẻ con và một ngành cho người lớn. Ở bậc «sơ đẳng» chỉ dạy cho biết đọc biết viết, trẻ con và người nhớn có thể học lẫn với nhau tuy chia rẽ được ra cũng vẫn là hơn vì trí nhận hiểu của hai phái có khác nhau và cách dẫn giảng của ông giáo có khi không theo cùng một lối.

Nhưng ở bậc cao-đẳng có mục đích giáo-dục thì việc trộn lẫn trẻ con với người nhớn là một điều tối kỵ trong khoa sư phạm. Người ta không thể đề vào cùng một lò nung đúc những thể chất rắn mềm khác nhau. Tinh-thần tâm lý của trẻ con và của người lớn là hai thể-giới khác hẳn, làm thế nào mà soạn được những bài, đặt được một lối giảng thích hợp cho hai bên. Điều đó đã dĩ nhiên quá, không cần phải biện bạch nhiều. Chỉ cần nhắc lại một chứng cứ hiển nhiên là những lớp «cao đẳng» của hội không được nhiều người nhớn theo học vì lẽ họ thấy chán những bài học chỉ soạn vừa trình-độ cho trẻ con.

Vậy phải lập riêng những lớp cao đẳng cho trẻ con và những lớp cao-đẳng cho người lớn áp dụng những chương-trình và một phương-pháp dạy khác hẳn nhau. Những lớp cho trẻ con sẽ nhận những trẻ chạc từ 12 đến 16 tuổi, đừng bé quá cũng đừng nhớn quá, để trí hiểu biết được gần giống nhau và tâm lý cũng có chỗ tương đồng. Trong bậc cao-đẳng cho trẻ con, lại nên chia những lớp riêng cho con gái và những lớp riêng cho con gái và lớp con gái thì giao cho nữ giáo viên trông nom. Nếu không có cô giáo thì không nên mở lớp cao-đẳng con gái và nhất là đừng nên nhận học trò con gái cùng học với con trai: đó là một điều tối kỵ trong khoa giáo-dục trẻ con vào khoảng từ 12 đến 16 tuổi.

B. — Chương-trình lớp cao-đẳng trẻ con

I. — Nguyên tắc:

GIẢN-DỊ VÀ CỤ-THỂ

Giản dị:

— Không nên chồng chất trong chương-trình nhiều môn phức tạp: Nhân-lý, toán pháp, lịch sử, địa-dư, cách tri, vệ sinh, quốc văn... uhu chương-

trình dạy ở lớp sơ-dẳng hay trung-dẳng một trường công, tư nào. Ta nên nhớ là lớp cao-đẳng của hội T. B. H. Q. N. chỉ dạy trong một thời hạn là 4 tháng và mỗi ngày có 1 giờ rưỡi (dạy về buổi tối). Vậy không thể «ôm-đồm» được, phải chọn lấy vài môn cần-thiết và có lợi tức khác.

— Ở vài môn ấy, cũng không nên soạn những bài liên tiếp thành một chương-trình riêng của mỗi môn và cần đến một trí nhớ có mạch lạc (1) vì không thể bắt buộc bọn học-trò này học tập chuyên cần, và nên nhớ là sau 4 tháng thì chúng sẽ «đoạn tuyệt» hẳn với duyên «văn tự»! Vậy trong vài môn cần thiết cũng chỉ dạy một vài điều giản dị có thể in sâu ngay vào óc chúng: bọn họ sẽ không bao giờ có dịp ôn lại và học rộng ra những điều đã học từ trước, như bọn học trò trường công, tư theo lần lần từ lớp dưới lên lớp trên. Dạy nhiều thứ và dạy thứ gì cũng sơ lược, thì đối với bọn học trò nghề của hội, nó sẽ trượt đi chẳng có bổ ích gì hết.

— Ta cũng nên nhớ là đừng bắt chúng học tập gì ở nhà cả... Ở lớp học, học được tí gì là «lãi», ngoài giờ ấy ra, chúng còn phải làm ăn hoặc... lêu lổng. Ở nhà, không ai kèm, không ai giục; ở lớp cũng chẳng ai đánh mắng, dọa nạt. Vậy cho bài làm ở nhà cũng vô ích mà bắt học bài cũng vô hiệu, trừ những câu ca, câu hát mà nghe-nghe vài lần, chúng có thể nhớ được vì văn điệu, thanh âm hay hay.

Cụ thể:

Phải tránh những bài dạy trừu tượng và những lối dạy nhồi sọ. Đó là một điều luật sư-phạm trong việc dạy dỗ trẻ con. Riêng đối với bọn trẻ học-trò của hội, điều luật ấy lại càng quan-hệ. Vì đối với bọn trẻ học các trường, thì nhờ ở kỷ luật và lối học đi học lại năm này sang năm khác, những bài trừu tượng, khó hiểu rồi cũng có ngày ăn vào được cả những khối óc thông minh lắm thường. Nhưng trong những lớp cao đẳng của hội T. B. Q. N., thì những bài luận lý dạy ta «phải học để mở mang trí-thức, vì người hơn loài vật là ở óc suy nghĩ» v. v..., hay một bài địa dư «đay xứ Đồng-dương là «một bán đảo hình chữ S, ở phía nam châu Á, thổ sản có gạo và than đá»... hay một bài cách tri dạy sấm sét là do «hai luồng điện âm và dương gặp nhau, làm lòe một tia lửa mà ta trông thấy trước khi ta nghe thấy tiếng nổ vì ánh sáng đi nhanh hơn tiếng động» v. v... những bài như thế, nếu chỉ dùng cho trẻ đọc cho thông hoặc viết cho đúng chữ thì không nói chuyện làm gì, chứ dùng làm bài dạy những điều thường thức, thì quyết nh ên không có hiệu quả

(1) Như chẳng hạn dạy lịch sử, thì từ đời Hùng-Vàng qua các đời Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn...

giết. Thì ta bỏ hết những thứ ấy mà chuyên chú vào một vài điều trông thấy trước mắt và có thể chứng minh bằng thí giác, như cách làm giấy, nếu lớp học ở làng Bưởi, việc giồng lúa nếu lớp học ở nhà quê, nếu ở tỉnh thành, câu chuyện điện giết và cách cứu người bị giết điện quân v.v.

II. — Những môn dạy trong chương trình

và cách dạy

Lớp cao đẳng của hội T. B. Q. N. chỉ dạy trong 4 tháng và mỗi ngày dạy có một giờ mười, thứ năm chủ nhật nghỉ. Vậy ta không nên và không thể mong rước những chuyện to lớn. Chỉ nên chuyên chú vào một vài điểm và trong vài điểm ấy, cố hết sức cho có hiệu quả.

Mục đích là: 1) gây cho bọn trẻ một căn bản luân lý, 2) dạy vài điều thường thức có ích lợi tức khắc trong đời sống hằng ngày của chúng.

Có ba môn trong chương trình:

- 1) luân lý, lịch sử dạy làm một,
- 2) những môn thiết thực (connaissances, pratiques) gồm có tập đọc, tập viết, tính,
- 3) giáo dục toàn thể (education générale) gồm có vệ sinh thực hành, t.ô chơi, hát, ...

a) Luận lý lịch sử

Ái chà phải nhận rằng bọn trẻ nghèo thiếu giáo dục nhiều quá. Không được đi học ở nhà thì lên lòng, bỏ mẹ anh chị không những không răn bảo gì lại còn chính mình sử dụng, nói năng cau thả, hoàn cảnh gia đình và phố phường, thôn xóm thường không được tốt. Kết quả: bọn trẻ này nhem nhuốc, hỗn láo, gian trá, hung ác vân vân.

Vậy, trong 4 tháng chúng đến với ta mỗi ngày một lúc, phải chỉnh trong công việc ta là phải cố sức, gọi ở những tâm hồn hèn kém ấy một chút lòng thiện, một chút cảm tình đối với người đồng loại. Sau 4 tháng theo học mà trong 10 đứa, có chừng một đứa biết giá trị của một được hay nhìn an đề cho tháng bạn ôm một bát cơm, như thế là ta có thể vui xướng vì đã thành công.

Môn luân lý, lịch sử phải dạy như thế nào?

Không nên soạn thành bài giảng dạy, cũng không nên lấy lý nhẽ mà khuyên bảo chúng gì hết. Lời ấy sẽ không có hiệu quả gì đối với bọn trẻ này. Đó là lời nói dối, lời đóng đĩnh vào cột, nó chỉ có ích khi học nhờ khuyên được nhắc đi nhắc lại và có người xét nét luôn luôn.

Đối với bọn trẻ này dần dần có này phải làm cho chúng thấy hay thấy thích làm cho chúng cảm động vì một câu chuyện có tích, lịch sử hoặc bịa đặt, thú vị và khéo kể. Những truyện Lưu Bình Dương Lễ, Lê Lai, hai bà Trưng, Thạch Sanh, Phạm công Cúc Hoa v.v., những chuyện danh thần, nghĩa sĩ, hiền nhân, quân tử, hay những mẩu truyện luân lý đều đã có sẵn trong các sách

như: các sách giáo khoa dạy luân lý, quốc văn của nhà Học chính, Nam hải dị nhân, Nhị thập tứ hiếu, Cổ học tinh hoa, Truyện cổ nước Nam, ngụ-ngôn la Fontaine, Đại nam quốc sử diễn ca, sách Hoa xuân, báo Câu Ấm v. v. ...

Người dạy chỉ phải chọn lọc những truyện hoàn toàn bổ ích (1) và bọn trẻ có thể hiểu và cảm được, chỉ phải soay những truyện ấy chung quanh một vài đức tính mà người ta định gọi cho chúng: lòng lương thiện, thương người, hiếu thảo, lương tâm nhà nghề, yêu nước và người đồng loại. Việc ấy cũng dễ.

Việc khó hơn là việc kể chuyện. Đó là một nghệ thuật do tài riêng của từng người. Ta nên chú ý đến hai điều:

Một là không những chỉ kể bằng lời nói, phải kể bằng cả con mắt, nét mặt, cử chỉ, bằng cả tâm hồn mình, nghĩa là muốn cảm người nghe, thì chính mình phải cảm đã mới có thể làm truyền an mỗi cảm động sang người khác.

Hai là đừng kể tóm tắt quá, phải có những chi tiết thú vị của sự thực, thì câu chuyện mới không khô khan, trừu tượng. Người kể có thể thêm thắt cho câu chuyện đậm đà miễn là đừng làm sai bản sự thực hay sự có thể có.

Kể chuyện xong, nên tóm tắt câu chuyện trong vài câu cho học trò chép, nếu được là vài câu văn vần thì hay lắm vì chúng sẽ thấy thích ngâm nga và dễ thuộc lòng. Ta có thể trích những câu trong Đại nam quốc sử diễn ca khi kể xong một câu chuyện lịch sử.

b) Những môn thiết thực

Không nên « tham quá ». Đã dành những điều thường thức khoa học là rất cần cho mỗi người, trong đời sống hằng ngày. Nhưng làm thế nào được chúng ta chỉ có 30 giờ dùng để dạy! (mỗi tuần 7 giờ rưỡi trong 4 tháng). Và khoa luân lý lịch sử, đã chiếm mất hơn một nửa. So với số giờ học ở trường công thì 30 giờ chỉ là số giờ làm việc trong một tuần.

Vậy ta phải bỏ hết những môn địa dư, cách trí, vệ sinh lý thuyết, công dân giáo dục v. v. ...

Trong thời hạn 14, 15 giờ chia ra làm 4 tháng ấy, ta chỉ cố dạy cho bọn trẻ biết đọc thông, biết viết đúng chữ, đặt được vài câu văn cho gãy gọn và làm 4 phép tính.

(1) Trong « Nam hải dị nhân » không nên dùng những truyện khó hiểu quá nhất là những truyện và những đoạn nói về ảnh hưởng của đất cát.

Trong Cổ học tinh hoa có những truyện khó hiểu quá đối với trẻ con.

Trong « truyện cổ nước Nam » có những truyện không có tính cách luân lý.

1.) Âm tả

Món này dạy cùng với luân lý, lịch sử (1), vì khi kể xong một câu chuyện, ông giáo sẽ đọc cho chúng chép vài câu tóm tắt và chữa vở khi chúng viết xong; 15 phút kể chuyện, 15 phút chép và 25 phút sửa vở. Mỗi tuần 3 giờ âm-tả (tức là 3 giờ luân-lý, lịch sử).

2.) Tập đọc

Có 2 buổi tập đọc trong một tuần. Trong một buổi, giờ tập đọc cũng lại là giờ dạy luân-lý lịch-sử, vì bài tập đọc sẽ chọn ở loại ấy. Nếu có thể phải không sách tập đọc cho chúng thì dùng Luân lý giáo khoa thứ lớp dự bị hay lớp sơ đẳng. Nếu chúng không có sách, thì ông giáo gọi trò nào đọc phải cho nó mượn sách của mình. Vậy, ở trường hợp ấy ông thầy nên chọn một chuyện khá dài và gọi nhiều trò đọc nối tiếp nhau mỗi người một đoạn, trò nào đọc xong đoạn nào phải kể lại ngay đoạn ấy. Cũng bằng lối ấy, ông thầy có thể dùng những cuốn sách kể trên (Cổ học tinh hoa, Nam hải địa nhân, Ngũ-ngôn la Fontaine...) mà cho đọc một truyện trong đó.

Đọc xong, ông giáo nói tóm tắt lại, giảng ý nghĩa truyện đó, hoặc hỏi học trò, tùy trường hợp, cốt sao cho học-trò đọc thông, hiểu và thích truyện đó.

Trong một buổi tập đọc khác, ta cho chúng tập đọc báo hằng ngày. Nên để ý chọn tờ nào không hẳn đăng những chuyện nhảm nhí. Trong một tuần chọn lấy vài chuyện thời sự hay hay mà không hại đến cho chúng tập đọc, những mẫu chuyện thời sự ấy thường là những bài học khôn có khi là bài học luân lý, mà lại thú vị vì là sự thật: bọn trẻ binh dân của ta sẽ thấy ngổ mà gối đầu vào đường sắt là nguy hiểm cũng như bỏ cả rổ vào mồm ngậm thì cá có thể quấy mạnh và chui lọt vào cổ họng! Chúng có thể cảm phục khi đọc tin một bác phu xe bắt được bạc bạc của khách trên xe, mà mang trả ở sở cảnh hay một cậu con thuyền trôi nhẩy xuống nước cứu người khi một cái ô - tô lặn xuống sông v. v. v.

Cái cách dùng báo, chỉ cho bọn trẻ con binh dân tập đọc, còn có một hiệu quả xa xa là gọi cho chúng cái thú đọc báo chí. Khi mà phải binh dân đã quen và thích đọc báo thì là một tiến bộ lớn vì dần dần họ sẽ thái độ được những kiến thức mới về cuộc đời.

3.) Luận

Không có tả cảnh, tả tình gì hết! Ở đời trông nhiều trường hợp ta phải biết kể lại một chuyện xảy ra bằng một vài câu gọn gàng. Vậy bọn trẻ của ta cũng phải tập thế. Có khi sau giờ tập đọc

(1) Lối dạy các môn thường thức bằng các bài âm tả là lối hiện vẫn dùng trong các lớp « cáo đẳng » của hội;

ta bắt chúng phải tự viết tóm tắt câu chuyện vừa kể thành một bài độ chừng mười dòng, nhưng có đầu có đuôi và chấm câu cho đúng. Rồi khi đã quen với loại bài làm ấy ta sẽ cho tập viết thư: thư việc nhà, thư công việc (cần những đầu đề thiết thực) đơn xin việc làm, đơn trình cảm v. v., Bài cho làm ngay trong lớp (đừng có mong đợi chúng làm việc ở nhà!) buổi sau chấm ngay trong lớp, như thế cũng đỡ việc cho ông giáo, vì nên nhờ ông giao ở đây dạy không công cả.

4.) Tính

Chỉ cần dạy cho chúng đọc, viết chữ số và 4 phép tính cộng, trừ, nhân, chia; nhưng mỗi bài tính, là một cái tính đồ giản dị và thú vị, một câu chuyện hằng ngày có thể xảy ra bất chúng phải « tính toán »; anh bán kẹo, anh đánh giày, anh đi ở... anh nào chả có dịp phải cộng, trừ, nhân, chia. Lối dạy bao giờ cũng cụ thể và thiết thực.

Bỏ hết những phép tính bề mặt, bề vuông, khối tròn nhọn, hay những lít, gam, mẫu tây, mẫu ta! Không phải là vô ích, nhưng ta nhớ rằng chỉ có 10 giờ trong suốt một khóa đề học tính thì học cho biết cộng, trừ, nhân, chia thật thạo là cũng giỏi lắm rồi!

d) Giáo dục toàn thể

Chỉ dùng tờ tóm tắt. Song cũng không tìm được chữ gì hơn. Và lại người ta đã dùng trong chương trình học đổi mới. Nó gồm những môn dạy có ảnh hưởng chung cho cả ba phần: thể dục, trí dục, đức dục. Nó huấn luyện tính khí (le caractère) con trẻ. Đó là những môn thủ công, hát, trò chơi, du lịch, cắm trại, cứu thương, vệ sinh thực hành, v. v. v.

Song đối với bọn học trò của hội, có những môn không dạy được như thủ công vì cần phải những vật-liệu mà chúng không có tiền mua, hoặc đi chơi, cắm trại, vì người dạy không có đủ thì giờ làm việc.

Vậy tôi chỉ nghĩ đến ba môn: vệ sinh thực hành, — hát, — trò chơi hướng dẫn trong đó có thêm vài điều thiết yếu về khoa cứu thương.

1.) Vệ-sinh thực-hành

Bọn học trò của ta là bọn trẻ rất nhem nhuốc; quần áo chân tay mặt mũi dơ đầy tanh hôi.

Phải gây cho chúng những thói quen sạch sẽ, lối dạy là lối thực hành, không cần bài học. Mỗi buổi dạy ta đến trước tam phut, trông chúng quơ một lượt, đưa nào mặt mũi, chân tay, bàn chải quá bắt đi rửa mới cho vào học. Thường là chừng ghê và đau mắt, nên để chúng ngồi riêng và nếu có sẵn vài thứ thuốc thì cho bôi hoặc rửa mắt thuốc.

Vào lớp rồi, nên mỗi buổi bỏ ra 5 phut đi khám sạch sẽ: chân tay, mặt, mũ, quần áo, sách vở. đưa nào sạch sẽ thì khen, thưởng; đưa nào bẩn thì

mắng, phạt, bần quá thì bắt ngồi riêng. Cứ như thế, luôn trong 4 tháng thì chúng có thể nhiễm được tình quen sạch sẽ.

2) Hát

Không còn có gì dễ cảm hoá dễ thu phục nhân tâm bằng tiếng hát tiếng đàn. Trong khoa giáo-dục, hát rất có hiệu quả để gây những tình tình trong sạch. Nó có thể phụ họa vào khoa dạy luân lý.

Những bài hát dùng có thể là những câu cá dao hát ru em, hát chơi đùa, (1) những câu hát trống quân, quan họ hay hát chèo chọn lọc kỹ-lưỡng; những bài hát «hướng đạo» điệu tây hay điệu tàu hay những bài hát đã đăng trong một tờ báo nhi đồng xuất-bản gần đây, phần nhiều là những bài để học và hợp với tình tình trẻ con.

Món «hát» sẽ dạy luôn trong giờ «trò chơi hướng dẫn».

3) Trò chơi hướng dẫn

Trò chơi hiện nay là một món rất cần trong khoa giáo-dục. Nó rất hợp với sở thích của trẻ nhỏ luyện tập những bản năng của chúng vì chỉ trong khi chơi đùa, những bản năng của trẻ mới được tự do phát triển. Chỉ ở trò chơi, cá tính con trẻ mới biểu lộ đậm đà. Một phần lớn trong phương pháp giáo-dục «Hướng đạo» là ở việc tổ-chức những trò chơi hướng dẫn. Có những trò chơi luyện trí nhớ, trí nhân xét, có những thử luyện nhanh nhẹn, tháo vát, có những thử luyện kiên tâm can đảm, có những thử luyện óc trọng kỷ luật và tinh thần đoàn thể

Nên đọc cuốn sách biên những trò chơi (livre de Jeux) của đoàn Hướng đạo. Gần đây một tờ báo nhi đồng cũng có nêu ít nhiều trò chơi lý thú và bổ ích, ta có thể dùng được.

Món trò chơi (và ca hát) nên dạy vào ban ngày, và ở ngoài sân thì hơn; một giờ một tuần lễ, vào thứ năm hay chủ nhật. Trong giờ đó có thể dạy xen cả vài điều thực hành cần thiết về khoa cứu thương như băng bó, vác, khiêng người bị thương

Món hát và trò chơi hướng dẫn, nếu được một giáo viên có chán trong đoàn Hướng đạo dạy, thì chắc chắn là có hiệu quả tốt.

III. — Cách dùng thì giờ trong một tuần lễ

Bài vở soạn để dùng trong 4 tháng

Đoạn này có tính cách hoàn toàn thực hành vừa dài lại vừa ít thú vị cho bạn đọc, nên không đăng ở đây.

Có một điều yêu cầu, là nên tăng thời hạn dạy từ 4 tháng lên 5 tháng và mỗi ngày 1 giờ rưỡi lên 2 giờ cho việc giáo-dục có hiệu lực hơn.

(1) Có thể chọn ở tập «Trẻ em hát trẻ em chơi» của Nguyễn-văn-Vinh, trừ những bài có giọng nhảm nhí.

Bản chương trình trên tuy rất giản dị, nhưng việc thực hành cần đến những giáo viên, không những yêu nghề có chí hi sinh, vì dạy học đây là làm việc không công và cho một bọn học trò không phải là «học trò», — mà còn phải am-hiểu khóa-sư phạm và được huấn-luyện thêm về khoa giáo-dục toàn thể: hát và trò chơi hướng dẫn.

Phải phờ sự giúp đỡ của các ông giáo lãnh nghề trường công, tự hay những huynh trưởng hướng đạo. Trừ hai bọn người ấy, chỉ những người có tài đặc biệt và có kinh nghiệm mới có thể dạy được lớp «cao đẳng» của hội. Tôi cũng công-nhận vấn đề giáo viên là rất khó khăn, có khi không giải quyết được. Nhưng tôi nghĩ nếu ở khu nào không tìm được người xứng đáng thì hãy tạm gác chuyện mở lớp cao đẳng để chờ khóa sau, chứ mở ra mà dạy theo một chương trình và một phương pháp không hợp với những nguyên tắc rất sơ-ước của khóa-sư phạm thì thực là làm trái với mục đích giáo-dục mà hội muốn theo đuổi bằng lớp cao đẳng. Để chủ ý làm một việc giáo-dục thì thiết nghĩ chương trình trên kia có thể chia thành một đối phần (như hát và trò chơi có thể bỏ nếu không có giáo viên biết dạy ha món đó) nhưng không thể làm khác được.

Nếu không định thực hành mục đích giáo-dục, thì hội cứ chuyên sự hoạt động vào việc «truyền bá chữ quốc-ngữ» cho thật rộng, như thế cũng là một công cuộc hữu ích và xứng đáng với lòng tin nhiệm của quốc dân. Có thể kéo dài lớp «i-tờ» (lớp dạy chữ quốc ngữ) ra một vài tháng để học trò tập đọc và tập viết thêm cho thông. Nhưng ta đừng nên gọi vài tháng thêm đó là lớp «Cao đẳng» dạy theo một chương trình sư phạm.

(còn nữa)

VŨ ĐÌNH HỒ

KỶ SAU ;

CHƯƠNG TRÌNH LỚP CAO- ĐẲNG NGƯỜI LỚN

CẢI CHÍNH

Trong bài Hiến pháp Trung Hoa. T. N. số 44:
— trang 9, giòng 23: «Năm 1897» xin đọc lại là:
«năm 1898».

— trang 9, giòng 33: «Vua Quang Tự» xin đọc là:
«chính phủ nhà Thanh».

— trang 8, giòng 12: «chường» xin đọc là «thường»

VIỆC QUỐC TẾ:

Những sự thay-đổi lớn-lao, xảy ra trong vòng nửa tháng nay, xoay cục diện chiến tranh tới một chiều, phải chăng đề đi tới hiệp cuối cùng?

Tại Ý, 18 ngày sau khi chiếm hết đảo Sicile (17 Août - 4 Septembre) quân Anh Mỹ đã đổ bộ lên chính lục-địa Ý. Lộ quân thứ 8 của Anh sau khi lấy được thành Reggio ở Cực-Nam đề làm căn bản đã tiến dần lên phía Bắc, chiếm San Giovanni, Melitto, San Stefano.

Năm ngày hôm sau (9 septembre) đột nhiên có tin chính-phủ Ý đầu hàng Anh Mỹ không điều kiện. Cuộc đầu hàng đó kể ra chỉ là một việc dĩ nhiên, người ta có thể dự đoán được ngay từ lúc Mussolini từ-chức. Dù sao nó cũng có ảnh hưởng lớn cho cục diện chiến tranh. Về phía Đức lập tức có sự phản động: quân của thống chế Rommel và tướng Kesselring được lệnh, sau khi đóng giữ đèo Brenner, chiếm cứ tất cả miền Bắc và Trung-Ý và tước bỏ khí-giới của quân đội Ý. Thế là khắp từ Naples trở lên, đất đai Ý dưới quyền-hành-chính của quân nhân Đức. Trong khi đó quân Anh Mỹ vẫn từ Nam tiến lên, chiếm Tarente, Brindisi (13-9), đổ bộ thêm ở Salerne, Capri và ở Naples. Hiện nay quân hai bên kịch chiến ở vùng Salerne và Naples.

Một phần lớn hạm-đội Ý đã chạy sang đảo Malte và quần cảng Gibraltar đầu hàng Anh, Mỹ Như vậy hạm-đội Anh Mỹ liệu có thể rảnh rang hơn và trút một phần sang Ấn-độ-dương được không?

Nhưng bỗng lại có tin Mussolini, bị chính-phủ của ông Badoglio (thiên xuống đảo Sicile) cầm giam, được quân nhẩy dù Đức cứu thoát và lập lại một Chính-phủ phát-xít ở Bắc-Ý đề theo đuổi cuộc chiến tranh bên cạnh Đức.

Dù sao đất Ý ngày nay đang chịu cái thảm họa làm bãi chiến-trường cho những quân-đội bên ngoài ở đâu đến rày sáo và phá hoại.

Ở Nga, mà Đức thì hành kế-hoạch rút lui và Nga chiếm dần lại được nhiều tỉnh.

Khu Smolensk, Hồng-quân chiếm được Ludinov (10 9) tiến lên Yelnia và chỉ còn cách Smolensk chừng 80 cây số

Khu Brian'sk, Hồng-quân chiếm được Novlia (9-9) và đã tới 20 cây số gần Briansk, Tin cuối cùng nói Nga đã chiếm được Briansk.

Khu Bắc Ukraine, quân Nga chiếm được Sumy (3-9) Konotop (7-9) Borsna (9-9) Lipovazrya (11-9) và hiện nay chỉ còn cách Kiev thủ-đô của miền Ukraine hơn 100 cây số,

Khu Donetsk, sau khi chiếm được Makeiva (7-9) và Stalins (9-9) Hồng-quân tiến về phía Pavlograd, hạ được thành Chaplino (11-9) rồi thẳng tới bờ sông Dniepr.

Quá dưới tên bờ biển Azov, quân Nga hạ Taganrog (31-8) ven theo duyên-hải tới chiếm Marioupol (12-9).

Lại có tin tại khu Kouban, quân Nga trên Hắc-hải đổ bộ vào Novorossiisk.

Trên Thái-Bình-Dương.— Cuộc tấn-công của Anh Mỹ đã bắt đầu nổi dậy. Tại đảo Nouvelle-Guinée quân Mỹ đổ bộ xuống vùng Hopoi, gần Lac, là khu quân Nhật chiếm giữ, nhưng bị thiệt-hại lớn

Lại có tin tàu ngầm Anh Mỹ xuất hiện ở hải phận Nhật-bản, nhưng trong hai tháng Juillet và Août có tới 13 chiếc bị Nhật đánh đắm.

Người ta lại nói một phần hạm-đội Anh Mỹ ở Địa-trung-hải sẽ trút sang mặt trận Á-đông vậy cục diện chiến tranh ở đây đã tới kỳ nghiêm-trọng.

Viết ngày 14 Septembre 1943

B. B. D.



ĐÃ CÓ BẢN:

HƯƠNG XA

Tập đoàn thiên có giá trị của 14 văn hào khắp các nước Đông, Tây.

do các văn sĩ quen biết trong ĐÔI NAY dịch

LOẠI GIÓ BỐN PHƯƠNG

Giá: 2\$50

ĐƯƠNG IN:

AI NA KARÉNINE (loại gió bốn phương)

của L. TOLSTOI

ĐƯA CON

Tiêu thuyết của ĐỒ ĐỨC THU

MÂY

Thơ của VŨ HOÀNG CHƯƠNG

SẮP IN:

THANH ĐỨC (tức Tội lỗi)

Tiêu thuyết của KHÁI HUNG

KÍNH CẢO BẠN ĐỌC T. N.

Đã bốn, năm tháng nay, trong khi tất cả tạp chí ở Đông-Dương đều lên giá vì nghị định quan Toàn-quyền bắt buộc các tạp chí phải in bằng giấy in sách (papier-impression) chứ không được bằng giấy in báo (papier journal) là thứ giấy rẻ tiền hơn thứ trên — báo Thanh Nghị vẫn giữ giá cũ (0\$35), hẳn các bạn đã thấu rõ sự hy sinh đó của chúng tôi.

Nay giá giấy lại vừa mới lên rất cao, chúng tôi bất đắc dĩ phải xin phép bạn đọc tăng giá lên 0\$40 một số, 2đ30 ba tháng, 4đ50 sáu tháng, 8\$50 một năm. Các bạn nên nhận cho rằng giá đó theo với giá các báo khác vẫn còn là hạ và xét cho sự hy sinh của chúng tôi trước sau cũng vẫn thế.

T. N.

BÁO THANH NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 1^{er} Ottobre 1943

- Kết quả Cuộc cách-mệnh Tân-Hợi
- Thân thể, Nhân cách và Sự nghiệp Lỗ Tấn. — II
- Tư tưởng nghĩ hê.
- Định nghĩa và nội dung chính sách nghiệp đoàn.
- Nghệ thuật hát của Đào nương (tiếp theo)
- Máy xay chạy gió — II
- Một chương trình dạy trong các lớp học bình dân — II Lớp Cao đẳng người lớn
- Xã hội Việt Nam từ thế kỷ thứ 17
- Những biến trạng của chế độ tư bản từ cuối thế kỷ XIX
- Việc quốc tế.

PHAN ANH
ĐỖNG THÁI MAI
LÊ HUY VÂN
ĐỖ ĐỨC DỤC
NGUYỄN XUÂN KHOÁT
NGUYỄN NHƯ KONTUM

VŨ ĐÌNH HÒE
NGUYỄN TRỌNG PHẤN
VŨ VĂN HIỀN
Đ. Đ. Đ.